

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

Sinh viên : **Ngô Thị Thanh Phương**  
Giảng viên hướng dẫn : **PGS. TS. Trương Thị Thủy**

**HẢI PHÒNG - 2011**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI  
TUẤN SƠN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên :Ngô Thị Thanh Phương  
Giảng viên hướng dẫn :PGS. TS. Trương Thị Thủy**

**HẢI PHÒNG - 2011**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Ngô Thị Thanh Phương

Mã SV: 110416

Lớp: QT1104K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Tuấn Sơn

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp ( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Khảo sát và đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.

- Đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Số liệu năm 2010

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Tuấn Sơn

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ .....</b>	<b>3</b>
<b>1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ .....</b>	<b>3</b>
1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	3
1.1.1.1. <i>Khái niệm về doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu.....</i>	<i>3</i>
1.1.1.2. <i>Khái niệm về chi phí.....</i>	<i>5</i>
1.1.1.3. <i>Khái niệm kết quả kinh doanh.....</i>	<i>6</i>
1.1.2. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	7
1.1.3. Các phương thức bán hàng và các phương thức thanh toán trong DN .....	8
1.1.3.1. <i>Các phương thức bán hàng.....</i>	<i>8</i>
1.1.3.2. <i>Các phương thức thanh toán.....</i>	<i>9</i>
<b>1.2. TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....</b>	<b>10</b>
1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu trong Doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	10
1.2.1.1. <i>Tổ chức kế toán doanh thu và cung cấp dịch vụ.....</i>	<i>10</i>
1.2.1.2. <i>Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....</i>	<i>11</i>
1.2.1.3. <i>Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....</i>	<i>15</i>
1.2.1.4. <i>Tổ chức kế toán thu nhập khác .....</i>	<i>16</i>
1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp.....	18
1.2.2.1. <i>Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán .....</i>	<i>18</i>
1.2.2.2. <i>Tổ chức kế toán chi phí tài chính.....</i>	<i>21</i>
1.2.2.3. <i>Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....</i>	<i>23</i>
1.2.2.4. <i>Tổ chức kế toán chi phí khác.....</i>	<i>27</i>

1.2.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	27
<b>1.3. TỔ CHỨC LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ, SỔ SÁCH KẾ TOÁN TRONG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>30</b>
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung .....	30
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái .....	31
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....	32
1.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	34
<b>CHƯƠNG II : THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM TUẤN SƠN .....</b>	<b>35</b>
<b>2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH TM TUẤN SƠN .....</b>	<b>35</b>
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH TM Tuấn Sơn .....	35
2.1.1.1. <i>Những thuận lợi khó khăn của Công ty trong quá trình hoạt động.....</i>	<i>36</i>
2.1.1.2. <i>Những thành tích cơ bản mà Công ty đã đạt được trong những năm qua</i> 37	
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH TM Tuấn Sơn.....	39
2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty .....	39
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại Tuấn Sơn.....	42
2.1.4.1. <i>Tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH TM Tuấn Sơn .....</i>	<i>42</i>
2.1.4.2. <i>Hình thức kế toán, các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty .....</i>	<i>43</i>
<b>2.2. ĐẶC ĐIỂM DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM TUẤN SƠN.....</b>	<b>44</b>
2.2.1. Hệ thống chứng từ kế toán .....	44
2.2.2. Hệ thống tài khoản kế toán.....	44
2.2.3. Hệ thống sổ kế toán.....	45

<b>2.3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM TUẤN SƠN.....</b>	<b>45</b>
2.3.1. Kế toán doanh thu .....	45
2.3.1.1. <i>Doanh thu bán hàng.....</i>	<i>45</i>
2.3.1.2. <i>Doanh thu hoạt động tài chính .....</i>	<i>54</i>
2.3.1.3. <i>Kế toán thu nhập khác.....</i>	<i>58</i>
2.3.2. Kế toán chi phí .....	58
2.3.2.1. <i>Kế toán giá vốn hàng bán .....</i>	<i>58</i>
2.3.2.2. <i>Kế toán chi phí Quản lý kinh doanh .....</i>	<i>61</i>
2.3.2.3. <i>Chi phí tài chính.....</i>	<i>68</i>
2.3.2.4. <i>Kế toán chi phí khác.....</i>	<i>73</i>
2.3.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	73
2.3.4. Hạch toán phân phối kết quả kinh doanh.....	74
<b>CHƯƠNG III: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM TUẤN SƠN.....</b>	<b>81</b>
<b>3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM TUẤN SƠN.....</b>	<b>81</b>
3.1.1. Kết quả đạt được .....	81
3.1.2. Hạn chế.....	83
3.1.2.1. <i>Về việc thu hồi doanh thu từ hoạt động bán chịu cho khách hàng quen hoặc KH mua hàng với số lượng lớn .....</i>	<i>84</i>
3.1.2.2. <i>Công ty chưa áp dụng chính sách Chiết khấu cho khách hàng.....</i>	<i>86</i>
3.1.2.3. <i>Về kế toán xác định kết quả kinh doanh.....</i>	<i>87</i>
3.1.2.4. <i>Về việc luân chuyển chứng từ .....</i>	<i>87</i>
3.1.2.5. <i>Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán máy .....</i>	<i>87</i>

<b>3.2. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....</b>	<b>88</b>
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Tuấn Sơn .....	88
3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Tuấn Sơn.....	88
3.2.2.1. Hoàn thiện về việc thu hồi doanh thu từ hoạt động bán chịu.....	88
3.2.2.2. Áp dụng chính sách Chiết khấu cho khách hàng.....	94
3.2.2.3. Về kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	98
3.2.2.4. Về việc luân chuyển chứng từ .....	98
3.2.2.5. Về việc sử dụng phần mềm kế toán máy .....	98
3.2.3. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH .....	98
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>100</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>101</b>



## LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế càng ngày càng phát triển đã mở ra vô vàn cơ hội lẫn thách thức cho các doanh nghiệp. Để có thể tồn tại lâu dài và vươn lên thì các doanh nghiệp cần chủ động trong sản xuất kinh doanh, nắm bắt các thông tin đặc biệt là các thông tin kinh tế tài chính một cách nhanh chóng và chuẩn xác.

Doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với Nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính... Các thông tin này được kế toán trong công ty tập hợp, phản ánh dưới dạng các con số và chỉ tiêu kinh tế tài chính. Nhà quản trị doanh nghiệp muốn có được số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh có độ tin cậy cao thì cần tổ chức đội ngũ nhân viên và quy trình kế toán sao cho phù hợp với thực trạng đơn vị mình, ít tốn kém và mang lại hiệu quả. Tuy nhiên đây không phải là nhiệm vụ dễ dàng nhất là khi thực tế các hoạt động kinh tế diễn ra ngày càng phức tạp.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Thương mại Tuấn Sơn em đã mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Tuấn Sơn”**.

Kết cấu bài khóa luận ngoài lời mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

**Chương 1:** Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

**Chương 2:** Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Tuấn Sơn.

**Chương 3:** Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Tuấn Sơn.

Qua đây em cũng xin gửi lời cảm ơn đến các thầy cô giáo khoa Kế toán Kiểm toán Trường Đại học Dân lập Hải Phòng và đặc biệt là GV - PGS.TS.

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

Trương Thị Thủy đã tận tình hướng dẫn em hoàn thành bài khóa luận này. Em cũng xin cảm ơn ban lãnh đạo và cán bộ phòng kế toán công ty TNHH TM Tuấn Sơn đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập tại công ty.

Em xin chân thành cảm ơn!

---

## CHƯƠNG I

# LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

## 1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

### 1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

#### 1.1.1.1. Khái niệm về doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu

✚ **Doanh thu:** là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

✚ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có) trong một kỳ kế toán của hoạt động SXKD từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

***Bán hàng:** Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.*

***Cung cấp dịch vụ:** Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch cho thuê tài sản cố định theo phương thức cho thuê hoạt động...*

***Doanh thu bán hàng hóa:** Phản ánh doanh thu của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.*

Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực,...

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

***Doanh thu bán các thành phẩm:*** Phản ánh doanh thu của khối lượng SP,

(Thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp...

**+ Doanh thu cung cấp dịch vụ:** Phản ánh doanh thu của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán.

Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán,...

**+ Doanh thu khác:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu về cho thuê hoạt động, nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước...

**+ Doanh thu hoạt động tài chính:** là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính như doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

**+ Các khoản giảm trừ doanh thu:** Tài khoản này dùng để phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính giảm trừ vào doanh thu hoạt động tài kinh doanh. Các khoản giảm trừ doanh thu được phản ánh trong Tài khoản 521 bao gồm: Chiết khấu thương mại, Giá trị hàng bán bị trả lại và các khoản giảm giá cho người mua trong kỳ hạch toán:

***Chiết khấu thương mại:*** là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

***Giá trị hàng bán bị trả lại:*** là giá trị khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

***Giảm giá hàng bán:*** là khoản giảm trừ cho người mua do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng KT hoặc lạc hậu thị hiếu.

**+ Thu nhập khác:** Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

**+ Tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu**

Theo chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC:

***Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:***

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu.
- Hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**1.1.1.2. Khái niệm về chi phí**

**+ Giá vốn hàng bán:** Là trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.

Đối với hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất.

Đối với hàng hoá tiêu thụ, GVHB bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ.

**+ Chi phí tài chính:** Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán..., Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

**+ Chi phí quản lý kinh doanh:** Phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh

doanh bao gồm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Chi phí bán hàng:** là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

**Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

✚ **Chi phí khác:** Phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chi phí khác bao gồm những khoản chi phí (hoặc khoản lỗ) phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm hàng hoá.

### 1.1.1.3. Khái niệm kết quả kinh doanh

✚ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

✚ **Xác định kết quả kinh doanh:** Xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

**Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh.

**Kết quả hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

**Kết quả hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay

## **Khoá luận tốt nghiệp**

lỗ tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

### **✚ Công thức xác định lợi nhuận của doanh nghiệp:**

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận HĐ SXKD} + \text{Lợi nhuận HĐTC} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Lợi nhuận HĐ SXKD} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng, QLDN}$$

$$\text{Lợi nhuận HĐTC} = \text{Doanh thu HĐTC} - \text{Chi phí tài chính}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Lợi nhuận HĐ KD thông} = \text{Lợi nhuận HĐ SXKD} + \text{Lợi nhuận HĐ tài chính}$$

### **1.1.2. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

#### **✚ Nhiệm vụ của kế toán doanh thu:**

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

- Kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của đơn vị.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và biến động tăng giảm về mặt lượng và mặt giá trị các loại sản phẩm, hàng hóa. Theo dõi chi tiết thanh toán với người mua, ngân sách nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí các sản phẩm hàng hóa bán ra.

### ✚ **Nhiệm vụ của kế toán chi phí**

- Căn cứ thực tế quy trình sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp, kế toán chi phí phải vận dụng các phương pháp kế toán (phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho, phương pháp tính giá thành, phương pháp khấu hao) cho phù hợp.
- Ghi chép đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Tiến hành tập hợp và phân bổ các khoản chi phí hợp lý.

### ✚ **Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh**

- Xác định kết quả kinh doanh của DN trong từng lĩnh vực hoạt động, từng thời kỳ.
- Hạch toán chính xác, kịp thời kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp các thông tin phục vụ cho việc quyết toán, ra quyết định của nhà quản trị.
- Phân tích, đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.

### **1.1.3. Các phương thức bán hàng và các phương thức thanh toán trong DN**

#### **1.1.3.1. Các phương thức bán hàng**

✚ **Bán buôn:** Là phương thức bán hàng theo lô hoặc bán với số lượng lớn. Giá bán biến động tùy thuộc vào khối lượng hàng bán và phương thức thanh toán. Bán buôn gồm 2 phương thức: bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng.

- *Phương thức bán buôn hàng hoá qua kho:* là phương thức mà trong đó hàng bán được xuất ra từ kho của doanh nghiệp.

- *Phương thức bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng:* là phương thức bán buôn mà sau khi mua hàng doanh nghiệp không nhập kho mà chuyển thẳng cho bên mua.

✚ **Bán lẻ:** Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế mang tính tiêu dùng. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ.



## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

- *Phương thức bán hàng trực tiếp*: Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

- *Phương thức chuyển hàng cho hợp đồng*: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức bán hàng qua đại lý*: Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp*: Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi xuất nhất định.

- *Phương thức trao đổi hàng*: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

- *Phương thức tiêu thụ nội bộ*: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng 1 tổng công ty, 1 tập đoàn, 1 xí nghiệp...

### **1.1.3.2. Các phương thức thanh toán**

Việc tiêu thụ hàng hoá nhất thiết được thanh toán với người mua, bởi vì chỉ khi nào doanh nghiệp thu nhận được đầy đủ tiền bán hàng hoặc sự chấp nhận trả tiền của khách hàng thì việc tiêu thụ mới được phép ghi nhận trên sổ sách kế

toán. Việc thanh toán với người mua về hàng hoá bán ra được thực hiện bằng:  
Phương thức trả ngay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, trả chậm trả góp.

## **1.2. TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**

### **1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu trong Doanh nghiệp vừa và nhỏ**

Loại Tài khoản 5 - Doanh thu có 3 tài khoản, chia thành 2 nhóm:

Nhóm TK 51 - Doanh thu, có 2 tài khoản:

- *TK 511 - "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"*
- *TK 515 - "Doanh thu hoạt động tài chính"*

Nhóm TK 52 - Các khoản giảm trừ doanh thu, có 1 tài khoản:

- *TK 521 - "Các khoản giảm trừ doanh thu"*

#### **1.2.1.1. Tổ chức kế toán doanh thu và cung cấp dịch vụ**

##### **+ Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (đối với Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ), hóa đơn bán hàng thông thường (đối với DN tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan.

##### **+ Tài khoản sử dụng**

*TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"*

Các TK cấp 2:

- *TK 5111 - Doanh thu bán hàng hóa*
- *TK 5112 - Doanh thu bán thành phẩm*
- *TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ*
- *TK 5118 - Doanh thu khác*

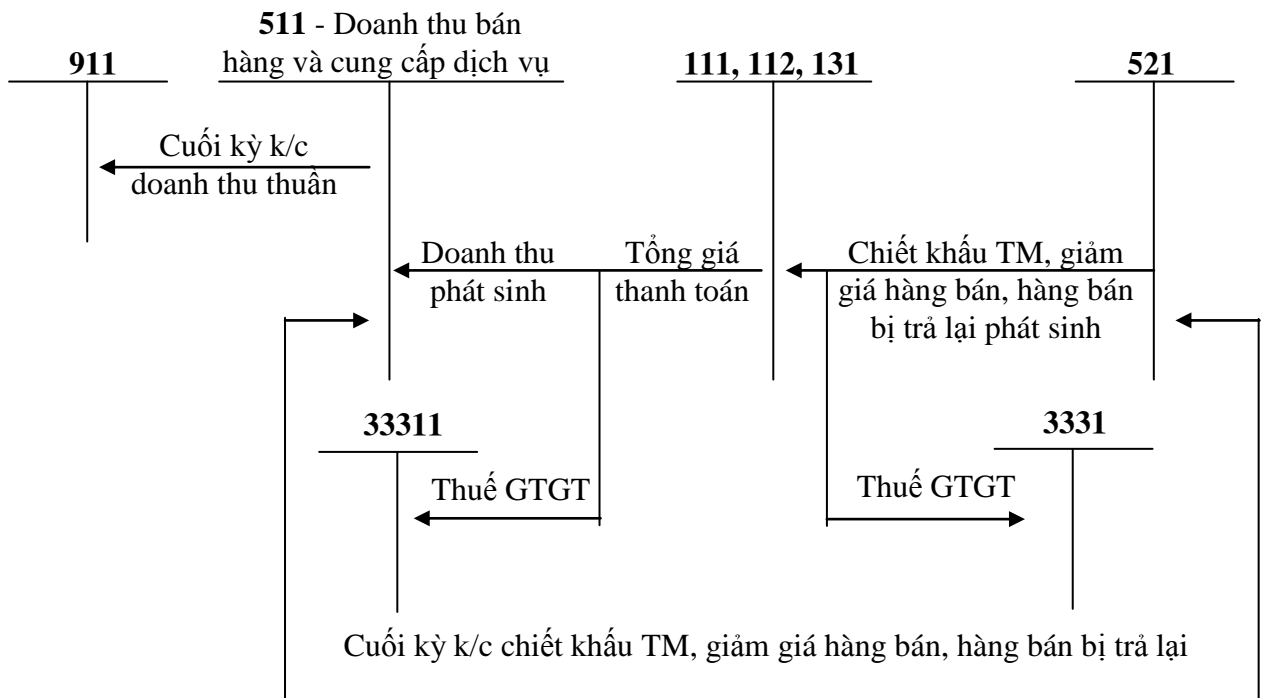
##### **+ Sơ đồ hạch toán**

#### **Sơ đồ số 1**

**Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

## Khoá luận tốt nghiệp

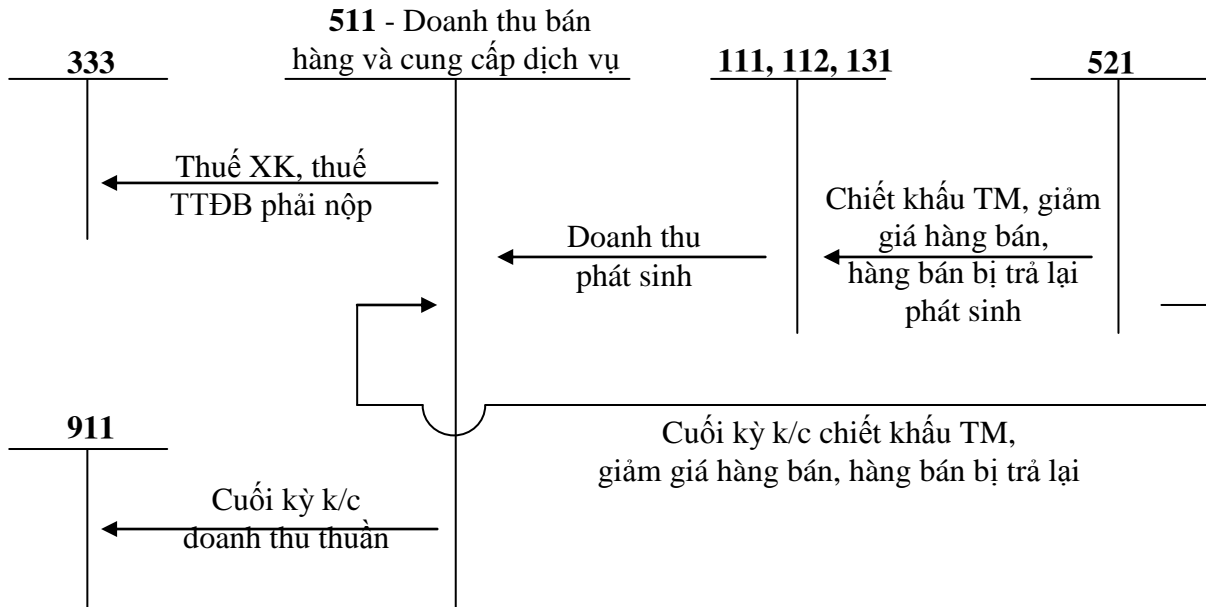
### (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



## Khoá luận tốt nghiệp

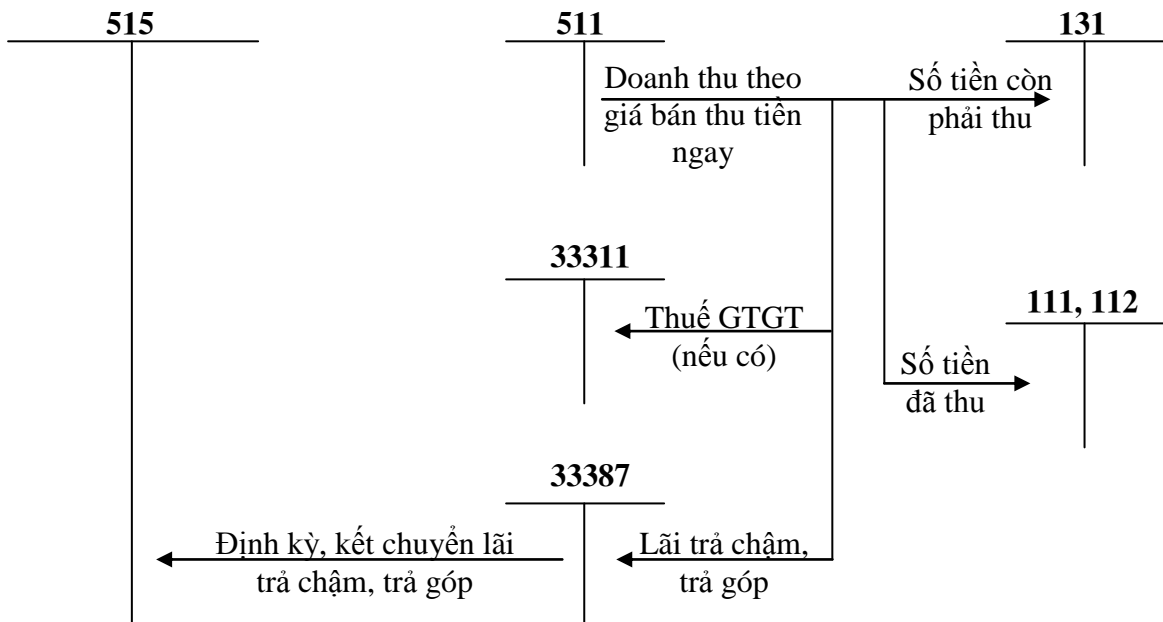
### Sơ đồ số 2

#### Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Trường hợp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)



### Sơ đồ số 3

#### Kế toán doanh thu bán hàng trả chậm trả góp

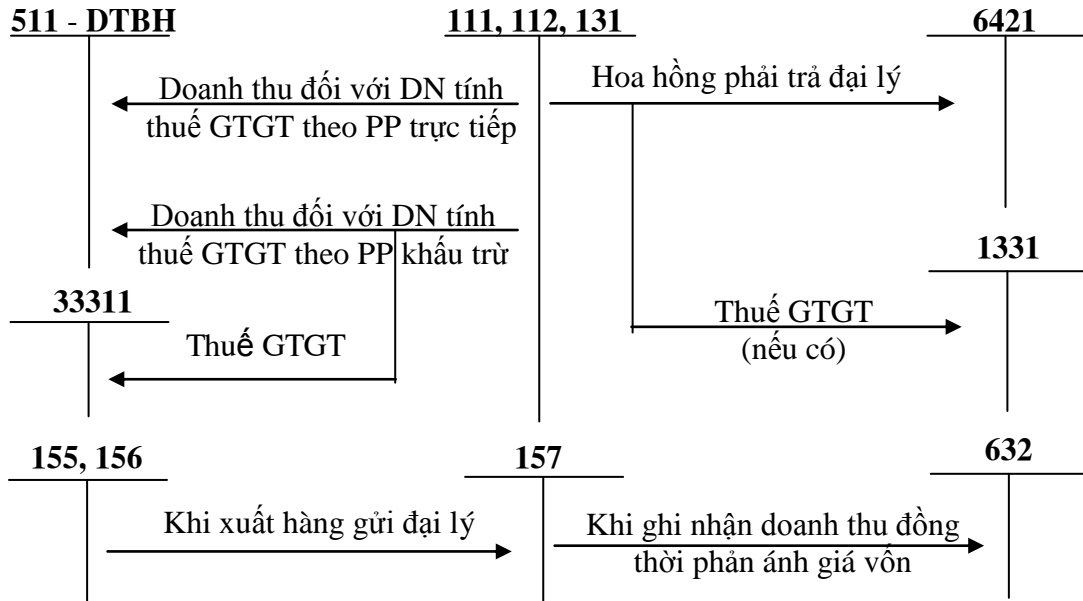


### Sơ đồ số 4

## Khoá luận tốt nghiệp

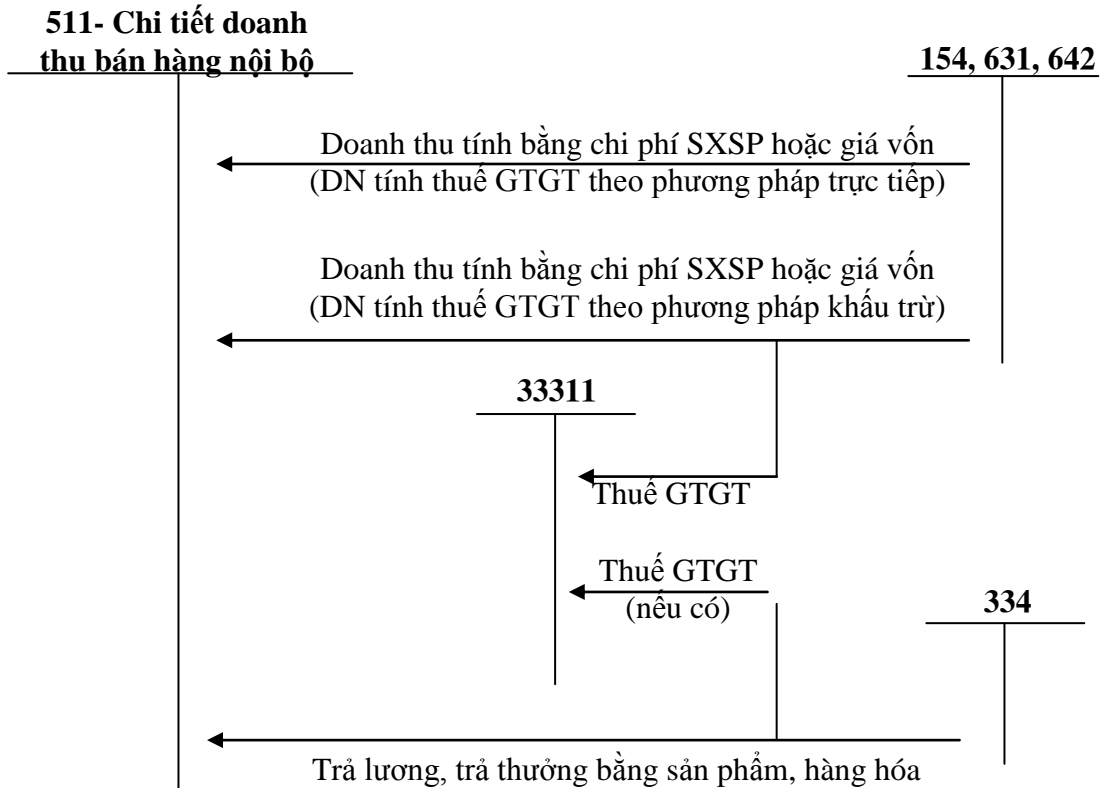
### Kế toán doanh thu bán hàng đại lý

(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)



Sơ đồ số 5

### Kế toán doanh thu bán hàng tiêu thụ nội bộ



#### 1.2.1.2. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính

✚ Chứng từ sử dụng:

## Khoá luận tốt nghiệp

---

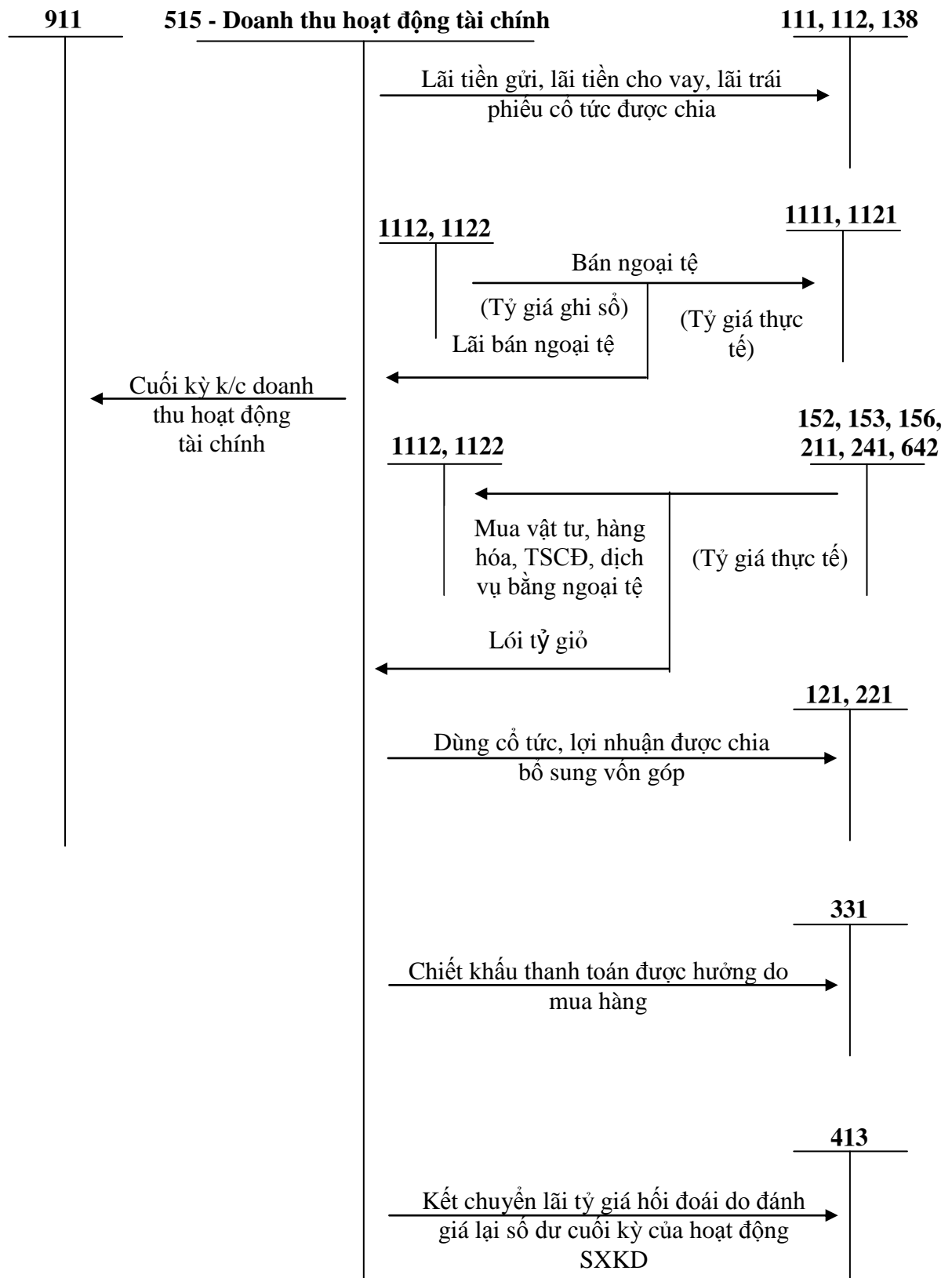
- Phiếu thu, Phiếu kê toán
- Giấy báo Có

### + Tài khoản sử dụng

*TK 515: "Doanh thu hoạt động tài chính"*

### + Sơ đồ hạch toán

**Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**



**1.2.1.3. Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

**+ Chứng từ kế toán**

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- Phiếu thu, phiếu chi, Hoá đơn GTGT
- Chứng từ khác có liên quan...

**+ Tài khoản sử dụng:**

***TK 521 "Các khoản giảm trừ doanh thu"***

Các TK cấp 2:

- *TK 5211 - Chiết khấu thương mại*
- *TK 5212 - Hàng bán bị trả lại*
- *TK 5213 - Giảm giá hàng bán*

***Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại:*** Phản ánh số giảm giá cho người mua hàng đối với khối lượng hàng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng.

***Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại:*** Phản ánh trị giá bán của số sản phẩm, hàng hóa đã bán bị khách hàng trả lại.

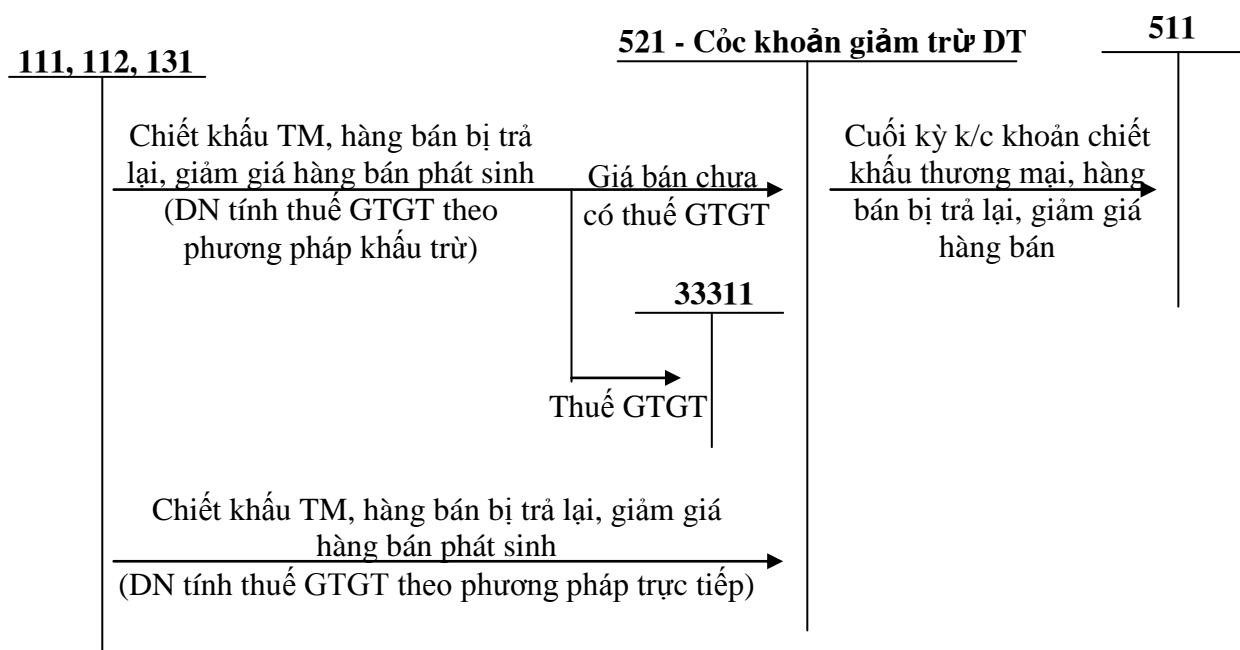
***Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán:*** Phản ánh các khoản giảm giá hàng bán so với giá bán ghi trong Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng thông thường phát sinh trong kỳ.

**+ Sơ đồ hạch toán:**

**Sơ đồ số 7**



**Kế toán chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại**



**1.2.1.4. Tổ chức kế toán thu nhập khác**

**✚ Chứng từ sử dụng**

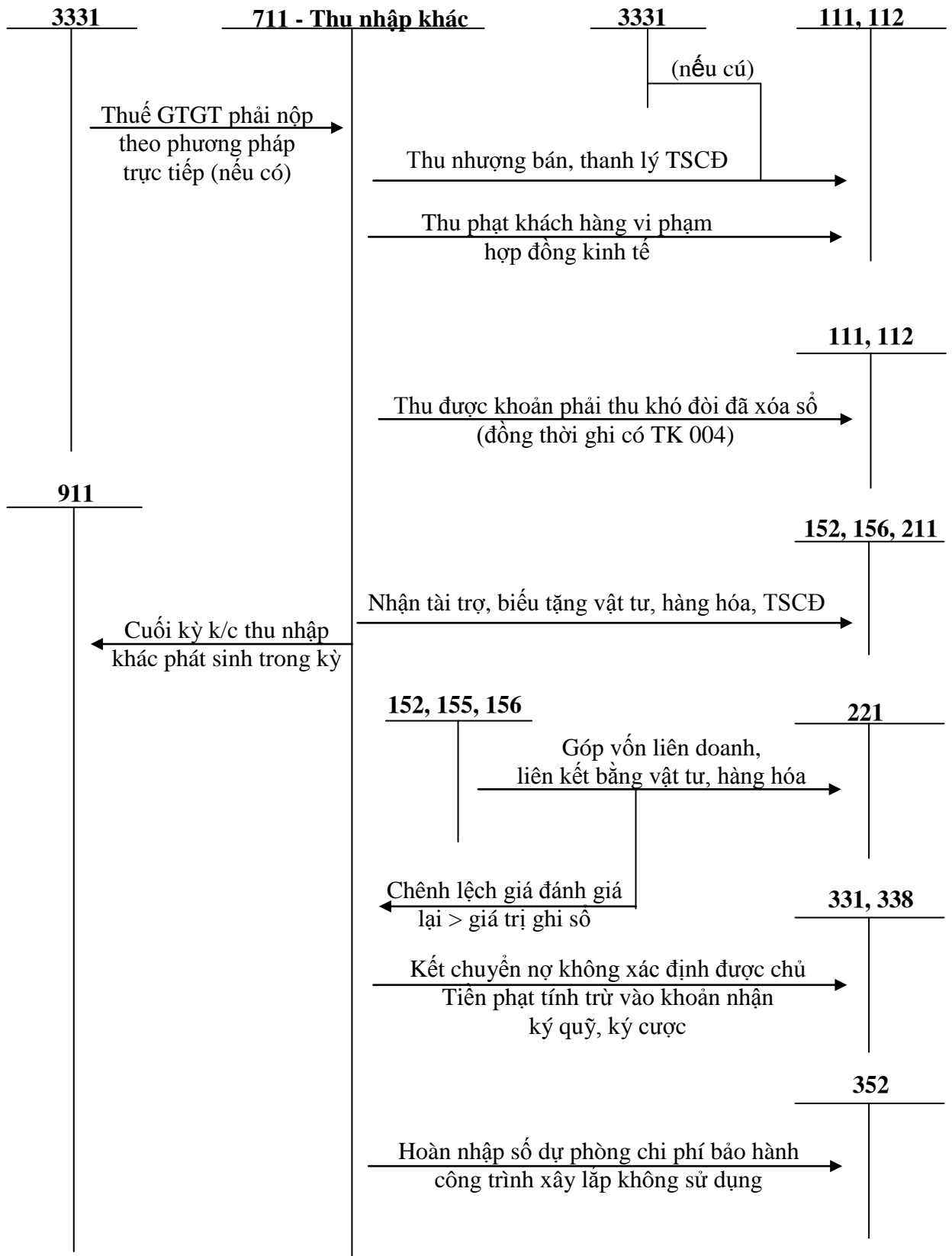
- Phiếu thu
- Phiếu kế toán

**✚ Tài khoản sử dụng**

*TK 711: "Thu nhập khác"*

**✚ Sơ đồ hạch toán**

**Kế toán thu nhập khác**



## **1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp**

### **1.2.2.1. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán**

#### **✚ Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:**

Để tính giá trị hàng hóa xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho":

- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ
- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)
- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)
- Phương pháp thực tế đích danh

#### **➤ Phương pháp bình quân gia quyền:**

Theo phương pháp này thì trị giá thực tế của hàng hoá, thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hoá, thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền.

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{hàng xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng HH} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình} \\ \text{quân gia quyền} \end{array}$$

*Giá đơn vị bình quân gia quyền có thể được tính theo hai cách:*

- Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình quân} \\ \text{gia quyền cả kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Lượng hàng nhập trong kỳ} \end{array}}$$

- Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình quân gia} \\ \text{quyền sau lần nhập } i \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i \end{array}}$$

#### **➤ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)**

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số lượng hàng nhập trước mới tính đến số lượng hàng nhập sau theo giá

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

mua thực tế của từng loại hàng (trong trường hợp này số hàng tồn đầu kỳ được coi là nhập lần đầu tiên).

### ➤ **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)**

- *Xác định tại thời điểm cuối kỳ:* theo phương pháp này hàng nào nhập vào sau cùng sẽ được xuất ra đầu tiên.

- *Xác định sau mỗi lần nhập:* theo phương pháp này thì sau mỗi lần nhập sẽ xác định giá trị thực tế xuất kho.

### ➤ **Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này hàng hóa nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó. Hàng hóa được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh).

Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hóa của mỗi lần nhập. Do đó, những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ xuất nhập hàng hóa không nên áp dụng.

### **Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn mua hàng
- Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho

### **Tài khoản sử dụng**

*Tài khoản 156: "Hàng hóa"*

*Tài khoản 632: "Giá vốn hàng bán"*

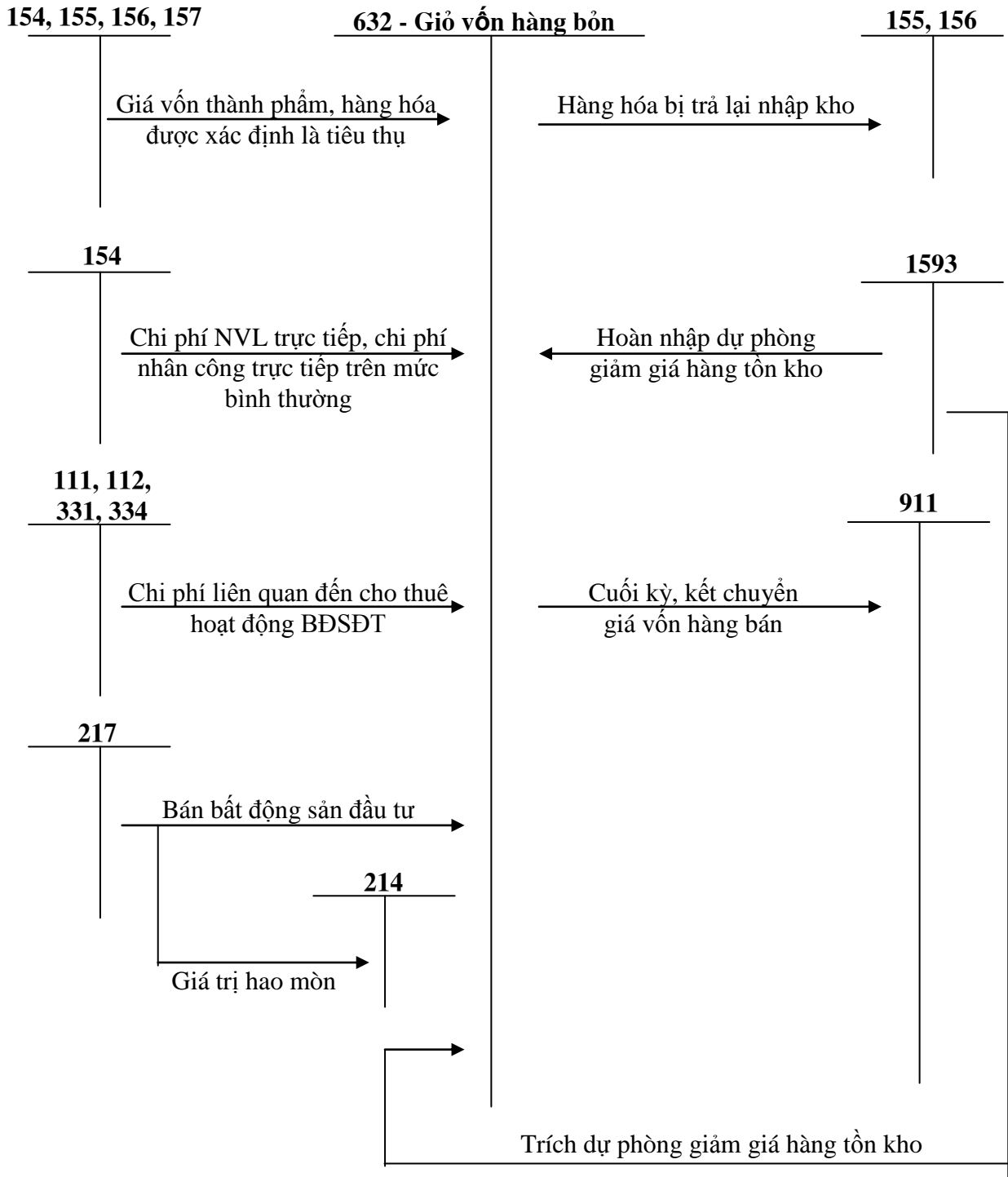
### **Sơ đồ hạch toán**

## **Sơ đồ số 9**

**Khoá luận tốt nghiệp**

**Kế toán giá vốn hàng bán**

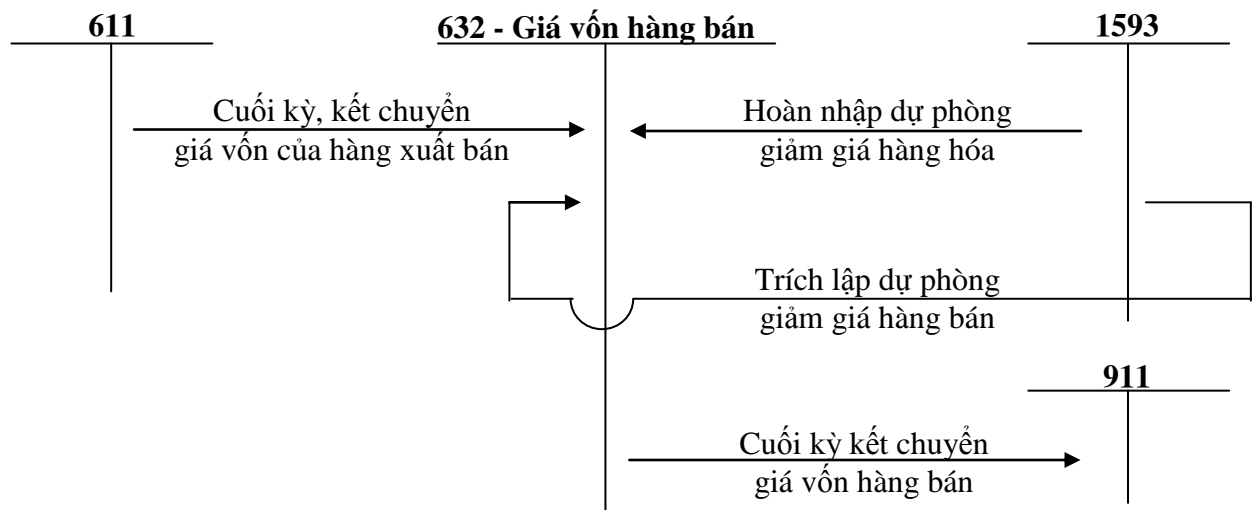
**(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)**



Sơ đồ số 10

Kế toán giá vốn hàng bán

(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ đối với doanh nghiệp Thương mại)



1.2.2.2. Tổ chức kế toán chi phí tài chính

✚ Chứng từ sử dụng: Phiếu chi, Phiếu kế toán

✚ Tài khoản sử dụng :

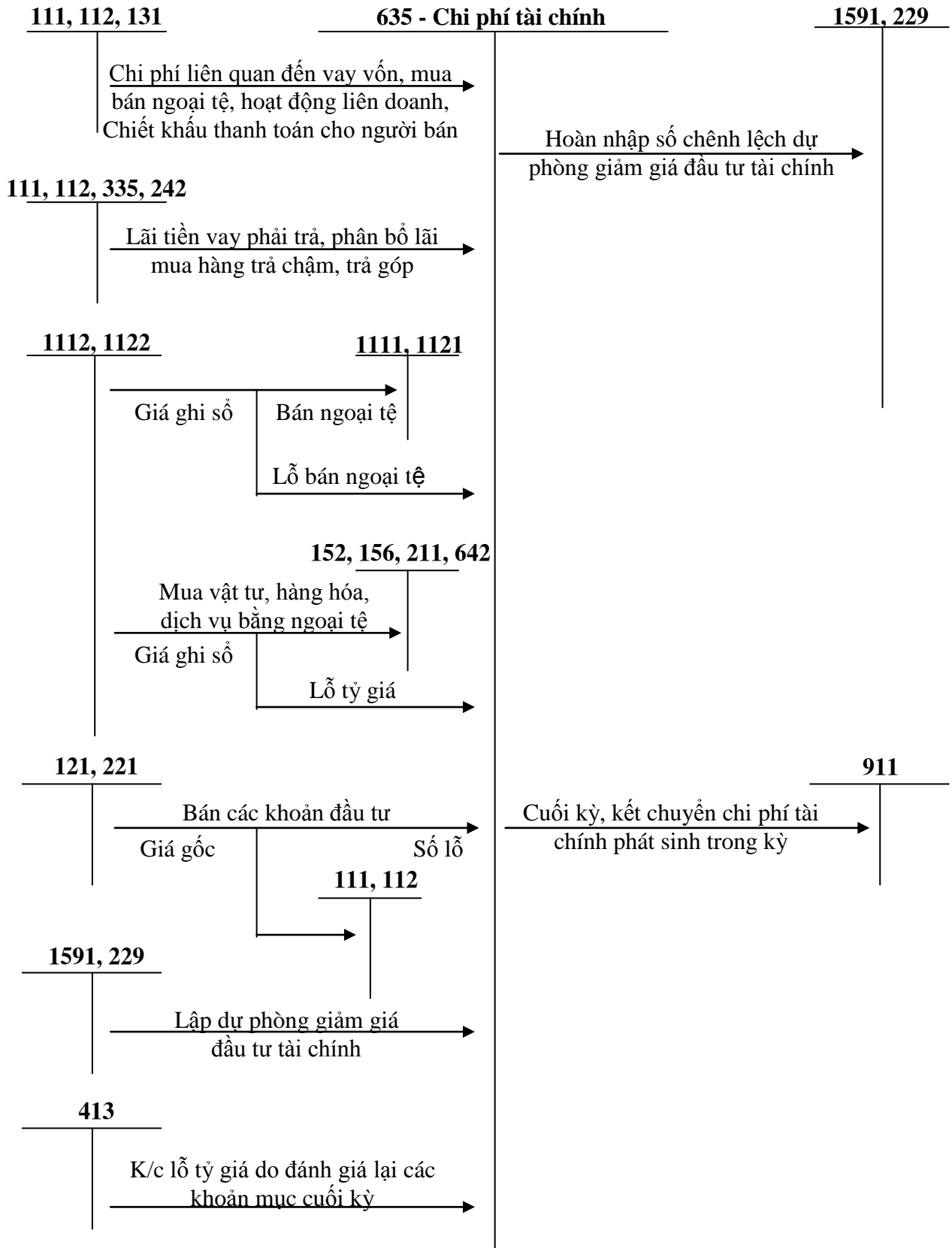
TK 635: "Chi phí tài chính"

✚ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ số 11

**Khoá luận tốt nghiệp**

**Kế toán chi phí tài chính**



### 1.2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý của từng đơn vị TK 642 có thể mở chi tiết theo từng loại chi phí như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, trong từng loại chi phí được theo dõi chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

➤ **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

- *Chi phí nhân viên:* là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ).

- *Chi phí vật liệu bao bì:* là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vật liệu dùng để sửa chữa TSCĐ dùng trong khâu bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm hàng hoá.

- *Chi phí dụng cụ, đồ dùng:* là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- *Chi phí khấu hao tài sản cố định:* chi phí khấu hao tài sản cố định dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.

- *Chi phí dự phòng:* Là khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa đã được bán trong kỳ

- *Chi phí dịch vụ mua ngoài:* là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý.

- *Chi phí bằng tiền khác:* là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hoá.

➤ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ CP có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn DN.



## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

- *Chi phí nhân viên quản lý*: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

- *Chi phí vật liệu quản lý*: trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp, cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ dùng chung của doanh nghiệp.

- *Chi phí đồ dùng văn phòng*: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.

- *Chi phí khấu hao TSCĐ*: khấu hao của những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải truyền dẫn.

- *Thuế phí, lệ phí*: các khoản thuế như thuế nhà, thuế đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.

- *Chi phí dự phòng*: khoản trích dự phòng phải thu khó đòi.

- *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, tiền nước, tiền thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

- *Chi phí bằng tiền khác*: các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên, như chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi khác.

### **Chứng từ sử dụng**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ NVL - công cụ, dụng cụ
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu kế toán...

### **Tài khoản sử dụng**

**TK 642: "Chi phí quản lý kinh doanh"**

Các tài khoản cấp 2:

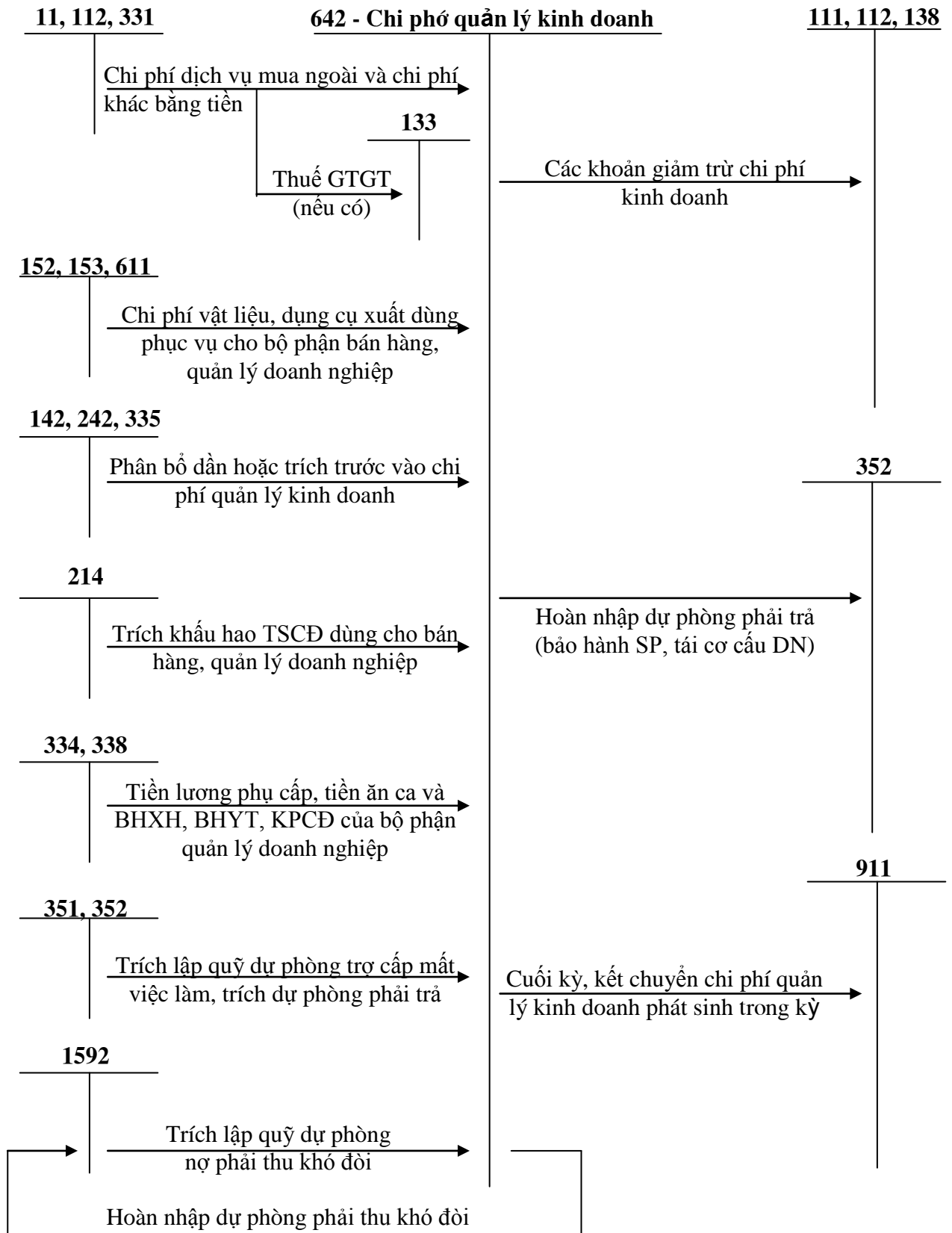
## Khoá luận tốt nghiệp

---

- TK 6421: "*Chi phí bán hàng*"
- TK 6422: "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*"

### **Sơ đồ hạch toán**

**Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**



1.2.2.4. Tổ chức kế toán chi phí khác

✚ Chứng từ sử dụng

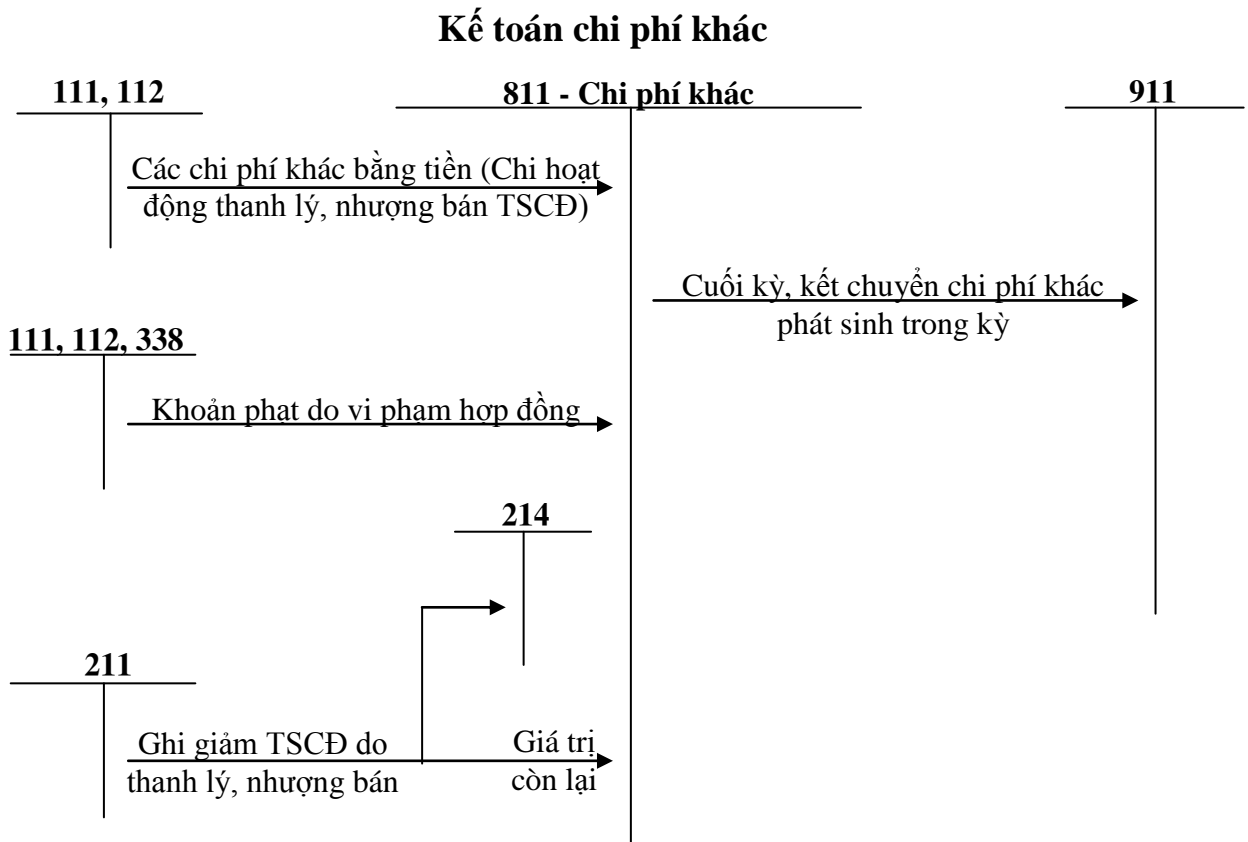
- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

✚ Tài khoản sử dụng

*TK 811: "Chi phí khác"*

✚ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ số 13



1.2.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

✚ Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán, Chứng từ liên quan khác.

✚ Tài khoản sử dụng

*TK 911 - "Xác định kết quả kinh doanh"*

*TK 821 - "Chi phí thuế TNDN"*

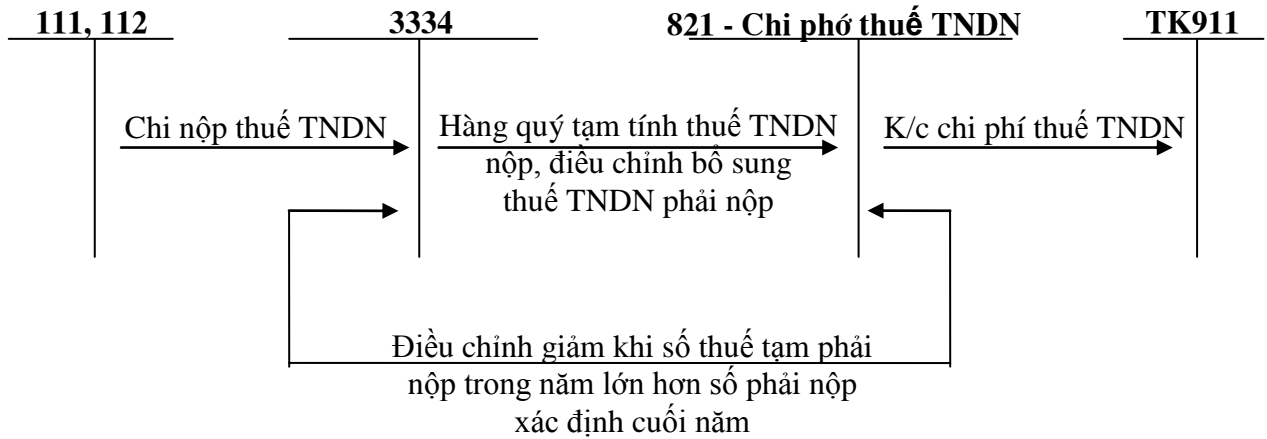
*TK 421 - "Lợi nhuận chưa phân phối"*

*Các TK khác có liên quan*

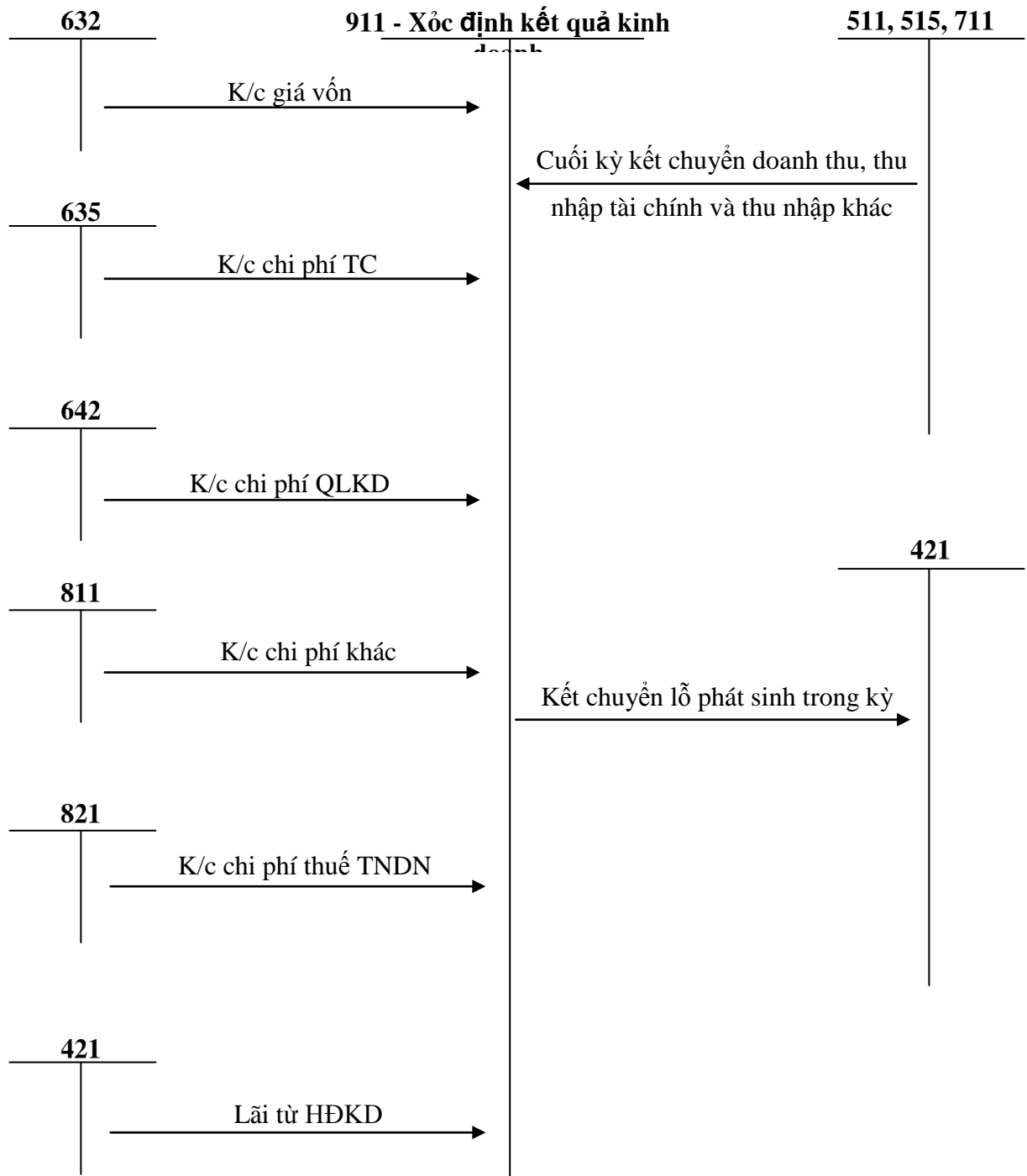
Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ số 14

Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



Kế toán xác định kết quả kinh doanh



### **1.3. TỔ CHỨC LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ, SỔ SÁCH KẾ TOÁN TRONG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

Doanh nghiệp áp dụng một trong các hình thức sau:

1. Hình thức kế toán Nhật ký chung
2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

#### **1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung**

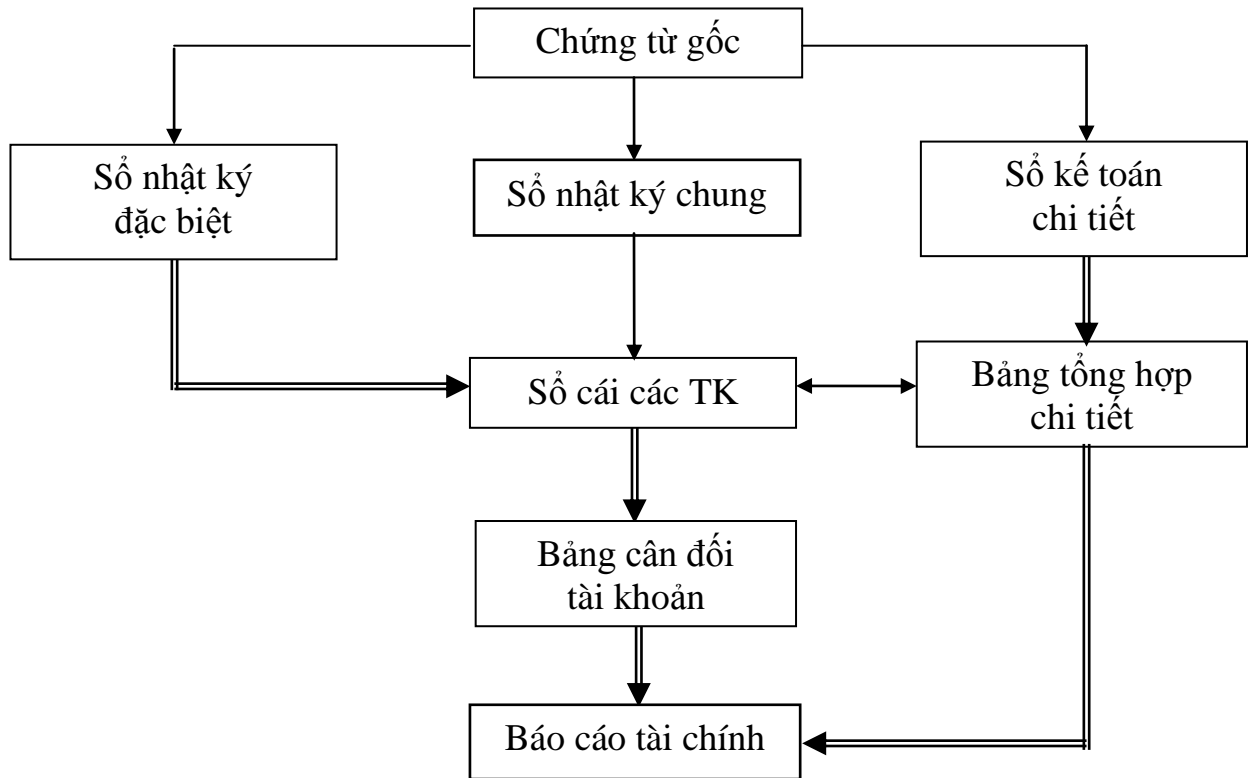
**+ Đặc điểm:**

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

**+ Các loại sổ:** Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**+ Trình tự ghi sổ kế toán:**

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



**Ghi chú:**

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ : Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái**

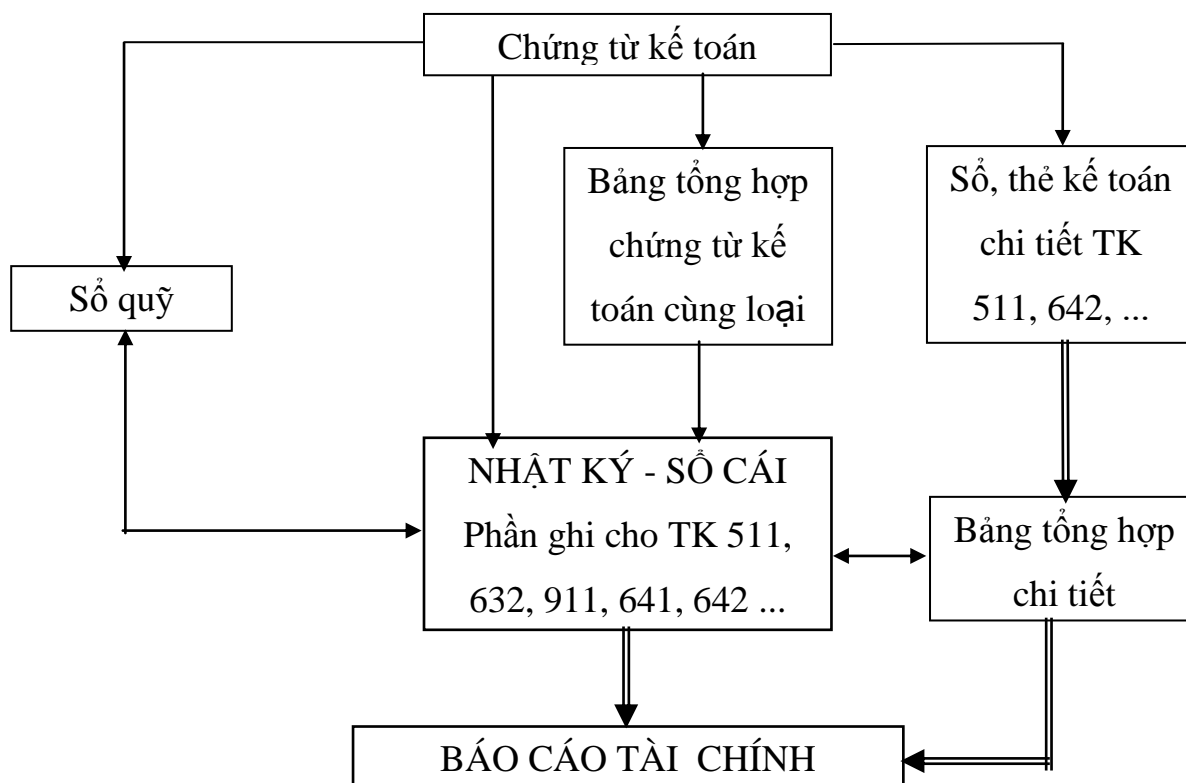
**✚ Đặc điểm:**

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

**✚ Các loại sổ:** Sổ Nhật ký - Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**✚ Trình tự ghi sổ kế toán**





**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

**Đặc điểm:**

- Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.
- Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:
  - Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
  - Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

## Khoá luận tốt nghiệp

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (Theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

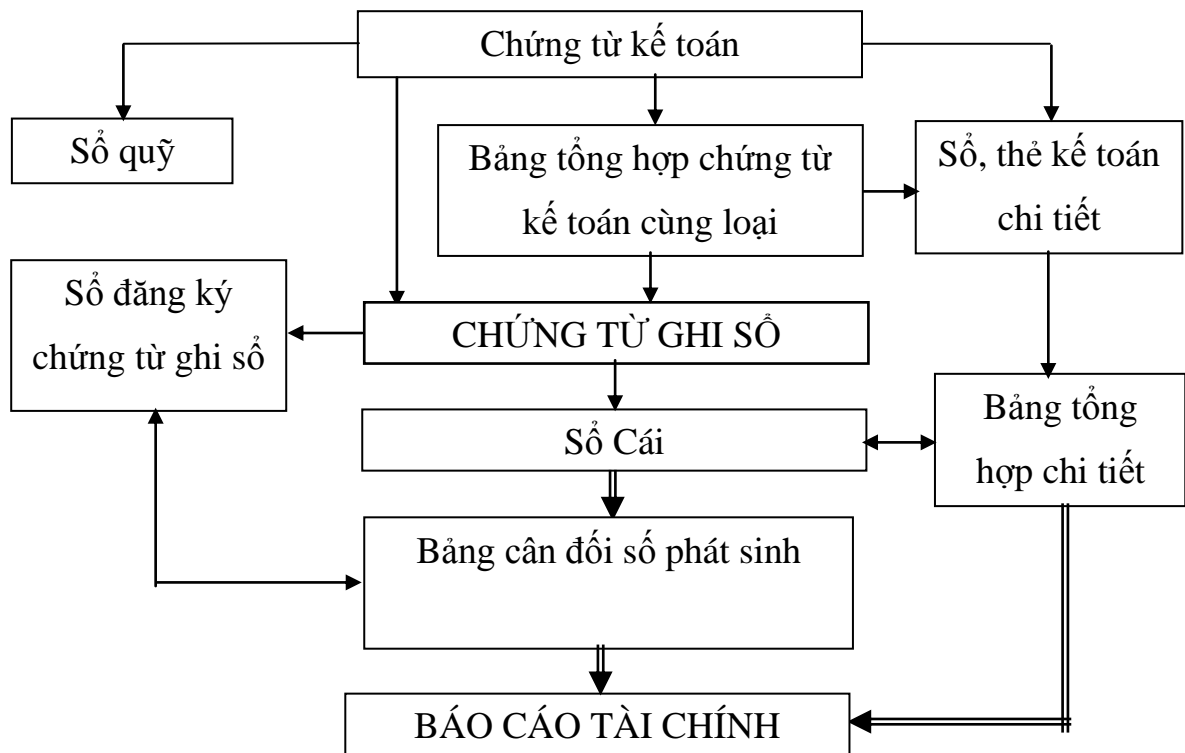
### ✚ Các loại sổ:

Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, Sổ Cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

### ✚ Trình tự ghi sổ kế toán

#### Sơ đồ số 18

#### Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



#### Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

### 1.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

#### ✚ Đặc điểm:

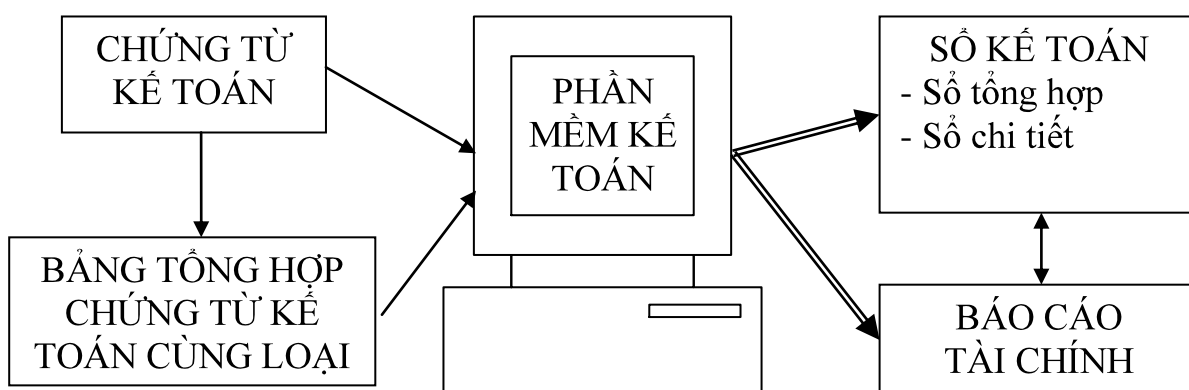
Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

✚ **Các loại sổ:** Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

#### Trình tự ghi sổ kế toán:

##### Sơ đồ số 19

#### Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



#### Ghi chú:

- : Nhập số liệu hàng ngày
- ==→ : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ : Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

---

## CHƯƠNG II

# THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TUẤN SƠN

### 2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH TM TUẤN SƠN

<i>Tên giao dịch</i>	: Công ty TNHH Thương mại Tuấn Sơn.
<i>Tên giao dịch quốc tế</i>	: Tuan Son Company Limited.
<i>Tên giao dịch viết tắt</i>	: Tuan Son Co.Ltd
<i>Hình thức sở hữu vốn</i>	: Trách nhiệm hữu hạn
<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	: Thiết bị văn phòng.
<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	: Mua bán máy văn phòng, máy photocopy, máy camera và 1 số vật tư khác. Ngoài ra Công ty còn làm dịch vụ sửa chữa các loại máy văn phòng, và kinh doanh lắp máy, bảo dưỡng, bảo hành máy móc thiết bị.
<i>Trụ sở</i>	: Số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP
<i>Điện thoại</i>	: 031.3551903
<i>Fax</i>	: 031.3550520
<i>Căn cứ pháp lý</i>	: Giấy chứng nhận giấy phép kinh doanh số 0203 000 327 cấp ngày 12 tháng 09 năm 2001
<i>Mã số thuế</i>	: 0200438827
<i>Vốn điều lệ</i>	: 2.000.000.000 đồng.

*Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Giám Đốc Hà Thúc Sơn*

#### 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH TM Tuấn Sơn

Hải Phòng là một thành phố công nghiệp nằm trong vùng kinh tế phía Bắc: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh do đó kinh tế Hải Phòng có những bước chuyển biến mạnh mẽ. Cùng với sự giúp đỡ của ủy ban nhân dân thành phố, cùng với sự phát triển của các ngành kinh tế đời sống của mọi người dân trong

thành phố cũng dần được nâng cao, nhu cầu về đồ dùng phục vụ cho công việc hàng ngày tăng lên rõ rệt đặc biệt là những mặt hàng đồ dùng có tính chất công nghệ phục vụ cho công việc học tập, nghiên cứu làm việc tại các phòng ban của các cơ sở doanh nghiệp.

Nắm bắt được thời cơ đó, ban lãnh đạo công ty lúc đó đã quyết định nộp hồ sơ lên sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Theo giấy chứng nhận giấy phép kinh doanh số 0203000327 ngày 12 tháng 09 năm 2001 Công ty TNHH Thương mại Tuấn Sơn ra đời đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của Công ty.

Như vậy Công ty TNHH thương mại Tuấn Sơn là một đơn vị hạch toán độc lập, tự chủ trong hoạt động kinh doanh có tư cách là một pháp nhân. Trong thời kỳ đầu mới bắt tay vào kinh doanh công ty gặp rất nhiều khó khăn, trang thiết bị còn thiếu thốn, nhân viên còn ít chưa có nhiều kinh nghiệm. Đứng trước tình hình đó ban lãnh đạo cùng nhân viên trong Công ty đã rất nỗ lực từng bước tháo gỡ khó khăn kịp hoàn thành kế hoạch kinh doanh được giao, tạo được độ tin cậy cao đối với khách hàng đem lại hiệu quả cao trong công tác quản lý kinh doanh của công ty. Không chỉ có vậy Công ty luôn làm tròn nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước, chính sách xã hội, với cơ quan với đoàn thể giúp Công ty càng phát triển tăng lợi nhuận, tăng thu nhập cho nhân viên, tạo sự ổn định, niềm tin cho cán bộ nhân viên trong Công ty, cũng như được sự hưởng ứng của ban ngành Thành phố.

Đây là kết quả của sự phấn đấu hết mình của toàn thể cán bộ cùng nhân viên Công ty, tự khẳng định được chỗ đứng của mình trong nền kinh tế thị trường, đem lại hiệu quả cao trong công tác quản lý kinh doanh của Công ty.

### ***2.1.1.1. Những thuận lợi và khó khăn của Công ty trong quá trình hoạt động***

#### **Thuận lợi:**

Tuy là một Công ty vừa và nhỏ nhưng được sự giúp đỡ, quan tâm của các ban ngành Thành phố cũng như sự nhiệt tình của đội ngũ lao động có trình độ tay nghề cao, Công ty đã tạo dựng được nhiều uy tín và đáp ứng được yêu cầu

cần thiết ngày càng lớn của thị trường trong nước.

Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng đủ đáp ứng nhu cầu chỉ đạo và kiểm tra các hoạt động kinh doanh, công ty đã đảm bảo quản lý và hoạch toán các yếu tố chi phí của quá trình kinh doanh một cách tiết kiệm, có hiệu quả. Cụ thể công ty đã quản lý lao động có trọng tâm và luôn động viên khuyến khích đối với lao động.

Phòng kế toán của công ty được bố trí gọn nhẹ, với đội ngũ kế toán có trình độ cao, năng lực, nhiệt tình và trung thực phù hợp với yêu cầu mục đích của chế độ kế toán. Tổ chức công tác kế toán quản trị, tài chính rõ ràng, khoa học giúp giảm bớt khối lượng kế toán, kế toán viên có thể đáp ứng đầy đủ thông tin hữu dụng đến với yêu cầu quản lý của công ty cũng như các đối tượng liên quan khác.

### **Khó khăn:**

Công ty TNHH Thương mại Tuấn Sơn có quy mô sản xuất kinh doanh và tiềm năng hoạt động còn nhỏ và bị hạn chế về nhiều mặt như:

- Quy mô nhỏ, chưa vươn ra được khỏi thị trường trong nước để tiếp cận với thị trường ngoài nước.
- Sự cạnh tranh của các Doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt là một trở ngại lớn đối với Công ty.

**2.1.1.2. Những thành tích cơ bản mà Công ty đã đạt được trong những năm qua:**

### **Về sự biến động của tài sản và nguồn vốn tại Công ty: (ĐVT: Đồng)**

## Khoá luận tốt nghiệp

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
<b>Tài sản</b>			
A. Tài sản ngắn hạn	2.085.875.010	2.151.913.894	3.315.320.832
B. Tài sản dài hạn	98.318.331	34.222.770	280.000.000
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.184.193.341</b>	<b>2.186.136.664</b>	<b>3.595.320.832</b>
<b>Nguồn vốn</b>			
A. Nợ phải trả	841.028.708	781.408.149	2.101.529.817
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	1.343.164.633	1.404.728.515	1.493.791.015
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>2.184.193.341</b>	<b>2.186.136.664</b>	<b>3.595.320.832</b>

**Bảng 1.1: Tình hình biến động về tài sản và nguồn vốn trong các năm 2008, 2009, 2010.**

Nhìn vào bảng trên ta có nhận xét như sau: Tổng tài sản và nguồn vốn của Công ty có xu hướng tăng, điều này chứng tỏ cơ sở vật chất của Công ty đã được tăng cường, quy mô về năng lực sản xuất kinh doanh đã được mở rộng, sự gia tăng này sẽ tạo nguồn lợi tức trong dài hạn cho Công ty.

### **🚩 Về sự biến động của doanh thu:**

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Doanh thu thuần	5.780.919.936	4.839.119.989	6.989.654.697
Lợi nhuận sau thuế	68.457.672	61.943.882	89.062.500

**Bảng 1.2: Tình hình biến động về doanh thu và lợi nhuận trong các năm 2008, 2009, 2010.**

Qua bảng trên ta thấy lợi nhuận của Công ty đạt được trong năm 2010 tăng đáng kể so với 2 năm trước, điều đó chứng tỏ việc kinh doanh của Công ty hoạt động trong năm 2010 có hiệu quả hơn những năm trước.

### **2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Thương mại Tuấn Sơn**

Công ty TNHH thương mại Tuấn Sơn là một doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh mua bán, sửa chữa, lắp đặt, bảo hành... Dù gặp nhiều khó khăn trong việc điều hành, tổ chức và quản lý... do nhiều nguyên nhân khách quan hay chủ quan nhưng Công ty vẫn giữ vững và không ngừng phát triển.

Ngoài ra Công ty đang đẩy mạnh phát triển loại hình kinh doanh mua bán, sửa chữa các loại máy văn phòng. Trong tương lai, ngoài hoạt động kinh doanh thể mạnh hiện nay, chiến lược kinh doanh của Công ty là sẽ mở rộng, chuyên sâu hơn một số lĩnh vực mà Công ty đã đăng ký trong giấy phép kinh doanh.

### **2.1.3 Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty**

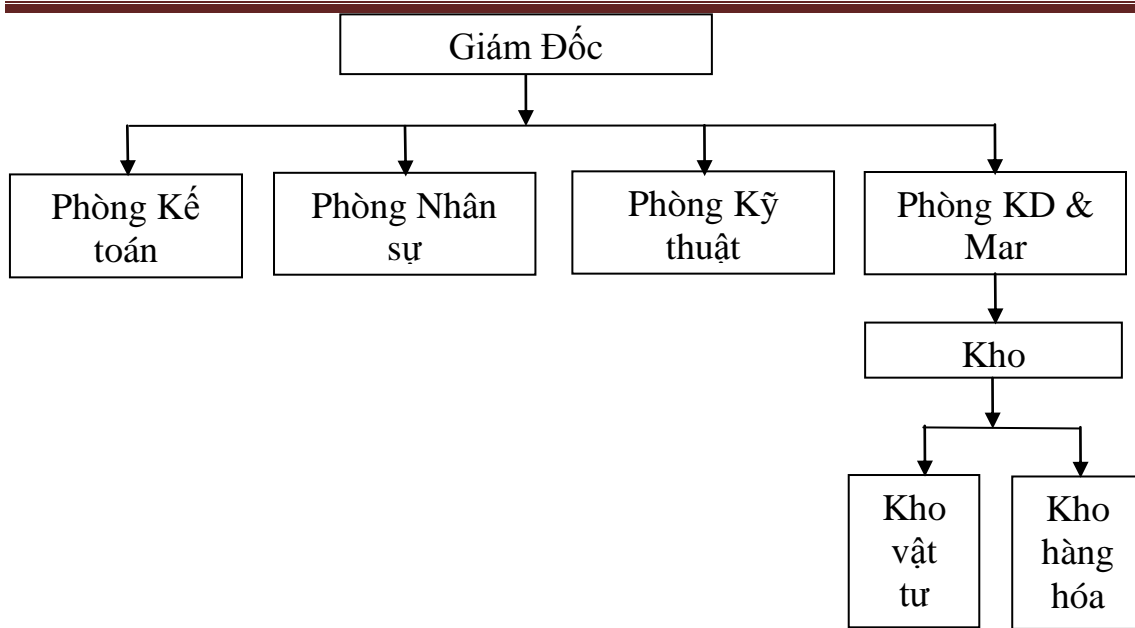
Do đặc điểm của mỗi công ty khác nhau nên cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của mỗi công ty là khác nhau. Và để phù hợp với hoàn cảnh của mình Công ty đã xây dựng cho mình một hệ thống quản lý điều hành kinh doanh gọn nhẹ, hợp lý từ ban lãnh đạo đến nhân viên. Do đó luôn đảm bảo được tính hiệu quả cao trong công tác quản lý cũng như kinh doanh.

#### **Sơ đồ số 1**

**Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH thương mại Tuấn Sơn**



## Khoá luận tốt nghiệp



Qua sơ đồ ta thấy chức năng của các phòng ban như sau:

### **+** Giám đốc Công ty:

Là người đại diện pháp nhân của Công ty trong mọi hoạt động giao dịch.

Là người quản lý mọi điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Công ty và trước pháp luật về mọi hoạt động của Công ty.

\* *Nhiệm vụ cơ bản:*

- Tổ chức mọi hoạt động, nhiệm vụ của Công ty, những chủ trương chính sách pháp luật của Đảng, nhà nước ban hành.

- Chịu trách nhiệm về các loại văn bản giấy tờ đối với Công ty và Nhà nước.

- Bảo toàn phát triển vốn, thực hiện theo phương thức sản xuất kinh doanh đã được cơ quan nhà nước phê duyệt và thông qua.

- Trực tiếp phụ trách công tác cải cách hành chính, xây dựng quy chế quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Quyết định giá mua, giá bán các loại sản phẩm, vật liệu do dự án của Công ty đầu tư hoặc kinh doanh (trừ những sản phẩm dịch vụ mà Nhà nước quy định).

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

- Ký và tổ chức thực hiện các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, các hoạt động kinh tế, dân sự khách hàng.

### **✚ Phòng kế toán:**

Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về công tác kế toán, hạch toán và công tác quản lý tài sản của Công ty.

*\* Nhiệm vụ cơ bản:*

- Theo dõi phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách kịp thời trong quá trình hoạt động kinh doanh.

- Tổng hợp các số liệu báo cáo tài chính và cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng có liên quan.

- Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán trong phạm vi toàn Công ty phù hợp với mô hình tổ chức kinh doanh theo yêu cầu đổi mới quản lý.

- Thu và quản lý các khoản phí lệ phí, thuế liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Tổ chức bảo quản lưu trữ, giữ gìn bí mật các số liệu, tài liệu kế toán.

### **✚ Phòng nhân sự:**

Tham mưu cho Giám đốc giải quyết vấn đề về tuyển dụng và phân công lao động.

*\* Nhiệm vụ cơ bản:*

- Tuyển dụng đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên.

- Điều động nhân sự theo công việc thực tế.

- Theo dõi thời gian làm việc, tình hình làm việc, chất lượng công việc của tất cả các cán bộ nhân viên trong Công ty.

- Theo dõi quá trình tuân thủ nội quy, quy chế về chế độ lao động và bảo hộ lao động của nhân viên Công ty.

### **✚ Phòng kỹ thuật:**

Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về vấn đề kỹ thuật lắp đặt máy, sửa chữa và bảo dưỡng có hiệu quả.

Tham gia xây dựng soạn thảo kế hoạch kỹ thuật kinh doanh của Công ty kiểm tra hồ sơ thiết kế dự án kỹ thuật.

\* *Nhiệm vụ cơ bản:*

- Lập kế hoạch lắp máy sửa chữa, bảo dưỡng bảo hành máy móc cho khách hàng đồng thời kiểm tra chất lượng máy móc.
- Quản lý hồ sơ thanh toán và hợp đồng liên quan đến kế hoạch lắp máy, sửa chữa máy móc của Công ty.

### **✚ Phòng Kinh doanh và Marketing:**

Tham mưu cho Giám đốc Công ty về lĩnh vực kinh doanh và quan hệ quốc tế với mục tiêu tăng cường hợp tác kinh doanh phục vụ phát triển mở rộng Công ty.

\* *Nhiệm vụ cơ bản:*

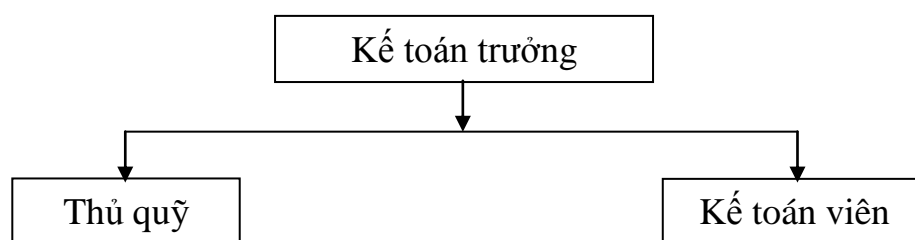
- Thu thập thông tin số liệu từ các kênh phân phối trên thị trường để phát hiện ra các vấn đề từ đó đưa ra các giải pháp kịp thời để tăng doanh số bán ra cho Công ty.
- Kết hợp với các bộ phận khác để đưa ra ý tưởng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như tiêu thụ hàng hóa.

## **2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH TM Tuấn Sơn**

### **2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH TM Tuấn Sơn**

#### **Sơ đồ số 2**

**Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH thương mại Tuấn Sơn**



### **✚ Kế toán trưởng:**

Là người có trách nhiệm điều hành công tác kế toán chung cho Công ty, tổ chức hạch toán, tham gia đề xuất các biện pháp về quản lý kinh tế tài chính, theo dõi quản lý chi phí, đối chiếu quyết định chi phí đối với các bộ phận theo dõi thu chi, phân bổ tiền lương cho cán bộ công nhân viên, theo dõi tiền gửi

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

ngân hàng, nhà cung cấp, các khoản phải thu, TSCĐ, kế toán tổng hợp, tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị, hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, kê khai quyết toán thuế, tổng hợp làm báo cáo tài chính theo quy định, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

### **✚ Kế toán viên:**

- Có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả số liệu bán hàng, kế toán bán hàng, tiền lương, TSCĐ, NVL, HH, giá thành, tiền mặt, TGNH và các khoản công nợ phải thu phải trả để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay giám đốc hoặc phó giám đốc.

- Theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho vật tư, HH về mặt số lượng.
- Xuất, nhập, bảo quản kho vật tư, hàng hóa theo quy định của công ty.

### **✚ Thủ quỹ:**

- Xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu phiếu chi đã được phê duyệt.

- Quản lý, bảo quản tiền mặt.

- Lập sổ quỹ và báo cáo quỹ hàng ngày, ghi chép liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

Chịu trách nhiệm về số tồn quỹ trên sổ và số tồn quỹ thực tế.

### ***2.1.4.2 Hình thức kế toán, các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty TNHH TM Tuấn Sơn***

- Công ty hiện đang áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.

- Niên độ kế toán: Từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.
- Các chính sách, phương pháp kế toán đang áp dụng:
  - Kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên
  - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi theo giá gốc

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp Nhập trước - Xuất trước

- Tính và nộp thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

- Tính khấu hao TSCĐ: theo phương pháp khấu hao đều (KH theo đường thẳng)

### **2.2. ĐẶC ĐIỂM DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM TUẤN SƠN**

#### **2.2.1. Hệ thống chứng từ kế toán**

- Hóa đơn GTGT

*Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng kế toán tập hợp hóa đơn GTGT. Hóa đơn gồm 3 liên:*

***Liên 1:** Màu tím để lưu lại ở Công ty*

***Liên 2:** Màu đỏ, giao cho khách hàng*

***Liên 3:** Màu xanh, lưu chuyển nội bộ*

- Phiếu xuất kho
- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và trích khấu hao TSCĐ
- Giấy báo có của Ngân hàng
- .....

#### **2.2.2. Hệ thống tài khoản kế toán**

*TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

*TK 632: Giá vốn hàng bán*

*TK 635: Chi phí tài chính*

*TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh*

*TK 911: Xác định kết quả kinh doanh*

*TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối*

*Ngoài ra Công ty còn sử dụng một số TK khác: TK 131, 3331,.....*

#### **2.2.3. Hệ thống sổ kế toán**

- Sổ Nhật ký chung

- Sổ chi tiết bán hàng
- Sổ cái TK 511, 515, 632, 642, 911, 421
- .....

## **2.3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM TUẤN SƠN**

### **2.3.1. Kế toán doanh thu**

#### **2.3.1.1. Doanh thu bán hàng**

**+** **Doanh thu bán hàng** là số tiền thu được do bán hàng không bao gồm thuế GTGT (ở các DN áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ), đối với các DN áp dụng phương pháp tính thuế trực tiếp thì doanh thu bán hàng là trị giá thanh toán của số hàng đã bán. Ngoài ra doanh thu bán hàng còn bao gồm các khoản phụ thu.

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:*

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lí hàng hóa như người sở hữu hàng hóa
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **+** **Phương thức bán hàng công ty áp dụng:**

- *Phương thức bán hàng trực tiếp:* giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho của công ty. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

- *Phương thức hàng đổi hàng:* khi nhà cung cấp sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu (máy vi tính, chip, chuột,...) cho công ty có nhu cầu đổi nguyên

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

liệu lấy sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu của công ty, công ty sẽ tiến hành trao đổi căn cứ trên hợp đồng giữa hai bên.

- *Phương thức tiêu thụ nội bộ*: xuất thành phẩm để biếu tặng cho tổ chức bên ngoài doanh nghiệp, tính trừ vào lương người lao động khi họ có yêu cầu lấy sản phẩm, hàng hóa thay lương.

### **+ Hình thức thanh toán**

Chủ yếu là trả ngay bằng tiền mặt. Ngoài ra còn có hình thức chuyển khoản hoặc Công ty cho nợ ngắn hạn đối với khách hàng quen, hoặc khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

### **+ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, thẻ kho.
- Bảng kê hóa đơn thực xuất; Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ
- Hóa đơn giá trị gia tăng (mẫu số 01GTKT-3LL)
- Phiếu thu, chi tiền mặt, giấy báo nợ, giấy báo có.

### **+ Tài khoản sử dụng**

***TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

### **+ Sổ sách sử dụng**

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 511
- Sổ chi tiết bán hàng
- Bảng tổng hợp chi tiết

### **+ Quy trình hạch toán**

Hàng ngày căn cứ vào nhu cầu mua hàng của khách hàng, nhân viên bán hàng trực tiếp lập chứng từ đồng thời thu tiền hàng ngay.

- Chứng từ bán hàng: Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho do nhân viên bán hàng lập.

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

- Phiếu xuất kho được gửi cho thủ kho và căn cứ vào đó thủ kho xuất hàng giao cho khách đồng thời ghi vào thẻ kho để theo dõi số lượng hàng nhập xuất tồn tại kho công ty.

- Hóa đơn GTGT do nhân viên bán hàng trực tiếp lập thành 3 liên:

- Liên 1: Lưu gốc, tại nơi lập phiếu (màu tím).
- Liên 2: Giao cho người nộp tiền (màu đỏ).
- Liên 3: Luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán (màu xanh).

Cuối ngày nhân viên bán hàng đem toàn bộ hóa đơn GTGT và sổ tiền bán hàng thu được nộp cho thủ quỹ để ghi sổ quỹ. Sau đó thủ quỹ sẽ chuyển toàn bộ hóa đơn GTGT cho kế toán. Kế toán tập hợp hóa đơn GTGT bán hàng, hoặc hợp đồng mua bán... làm căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký chung và sổ chi tiết các tài khoản 511, 515, 632... Sau đó ghi vào sổ cái tài khoản 511, 515... Cuối tháng, cuối quý, cuối năm tiến hành tổng hợp số liệu ở sổ cái làm bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

### **Ví dụ 2.1:**

Ngày 08/12/2010 xuất kho hàng hóa bán cho Công ty Cổ phần Harbour View 3 laptop Sony vaio, đơn giá 35.900.000 đồng/chiếc (giá chưa thuế VAT 10%), đã thu bằng tiền mặt.

#### ***Quy trình luân chuyển chứng từ:***

- Nhân viên bán hàng lập Phiếu xuất kho và Hóa đơn GTGT.
- Sau đó nhân viên bán hàng sẽ chuyển cho Kế toán trưởng và Giám đốc ký duyệt và đem Phiếu xuất kho đến kho để Thủ kho làm thủ tục xuất hàng và ký nhận.
- Sau khi khách hàng nhận được hàng và thanh toán tiền, nhân viên bán hàng sẽ giao cho khách hàng Hóa đơn GTGT liên 2, liên 1 sẽ để lại quyền hóa đơn và liên 3 cuối ngày sẽ được luân chuyển nội bộ để ghi sổ sách kế toán.

### **Biểu 2.1:**

**Công ty TNHH TM Tuấn Sơn**

**Số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP**

Mẫu số: 02-VT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)



**PHIẾU XUẤT KHO**

*Ngày 08 tháng 12 năm 2010*

**SỐ : 18/12**

Nợ: 632

Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Thùy Dung

Địa chỉ: Công ty Cổ phần Harbour View

Lý do xuất: Xuất hàng bán

Xuất tại kho: Kho công ty

TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách hàng hoá	Mã số	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	laptop Sony vaio	SV26556	chiếc	3	27.500.000	82.500.000
Cộng						82.500.000

*Ngày 08 tháng 12 năm 2010*

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

## Khoá luận tốt nghiệp

Biểu 2.2:

<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 3 : (Nội bộ) Ngày 08 tháng 12 năm 2010		Mẫu số: 01 GTKT-3LL-01 <b>AA/2010T</b> <b>0098968</b>			
Đơn vị bán hàng: Địa chỉ: Số tài khoản: Điện thoại:	Công ty TNHH TM Tuấn Sơn số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP 050 10000 02017	MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>			
Họ tên người mua hàng: NGUYỄN THÙY DUNG Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Harbour View Địa chỉ: Số 4 Trần Phú - HP Số tài khoản: VND130 06000 10103 Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	laptop Sony vaio (SV26556)	chiếc	3	35.900.000	107.700.000
<hr style="width: 50%; margin: auto;"/>					
Cộng tiền hàng: 107.700.000					
Thuế suất GTGT: 10 %					
Tiền thuế GTGT: 10.770.000					
Tổng tiền thanh toán: 118.470.000					
Viết bằng chữ: một trăm mười tám triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên)	
				Hà Thục Sơn	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

**Biểu 2.3:**

**Công Ty TNHH TM Tuấn Sơn**  
26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải phòng  
Tel: 0313.551903 - Fax: 0313.550520

**Mẫu số: 01-TT**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**Phiếu thu**

Ngày 08 tháng 12 năm 2010

**Nợ: 111**

**Số: 41/12**

**Có: 511**

**Có: 3331**

**Người nộp:** Nguyễn Thùy Dung

**Địa chỉ:** Công ty Cổ phần Harbour View HP

**Lý do nộp:** Trả tiền mua laptop sony vaio (SV26556)

**Số tiền:** 118.470.000 Đồng

**Bằng chữ:** Một trăm mười tám triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn

**Kèm theo:** 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một trăm mười tám triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn

Ngày 08 tháng 12 năm 2010

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận tiền**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)

## Khoá luận tốt nghiệp

### Biểu 2.4:

Công ty TNHH TM Tuấn Sơn  
Số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

## NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	
01/12/10	PNK 01/12	01/12/10	Mua laptop SV về nhập kho	156	112	412.500.000
				133	112	41.250.000
01/12/10	PC 01/12	01/12/10	Chi mua lẻ 01 lá suil từ 7950	331	111	140.000
01/12/10	PNK 02/12	01/12/10	Nhập 01 thanh siêu từ	156	331	140.000
02/12/10	PNK 03/12	02/12/10	Mua hàng chưa thanh toán	156	331	623.000
02/12/10	HD GTGT 98902	02/12/10	Thay cartridge - Dương (Ủy ban NDTP Hải Phòng)	131	511	1.136.364
				131	333	113.636
02/12/10	PXK 01/12	02/12/10	Giá vốn hàng bán	632	156	387.303
03/12/10	PNK 25/12	03/12/10	Mua hàng chưa thanh toán	156	331	232.461.818
...	...	...	...	...	...	...
08/12/10	PT 41/12	08/12/10	Thu tiền vay tạm ứng	111	141	200.000
08/12/10	PC 30/12	08/12/10	Trả cước vận chuyển hàng	642	111	150.000
08/12/10	HD GTGT 98968	08/12/10	Xuất bán laptop Sony Vaio	111	511	107.700.000
				111	333	10.770.000
08/12/10	PXK 18/12	08/12/10	Giá vốn laptop Sony Vaio	632	156	82.500.000
08/12/10	PT 43/12	08/12/10	Rút tiền gửi NH nhập quỹ	111	112	50.000.000
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng lũy kế</b>			<b>15.057.476.869</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguồn trích: Công ty TNHH TM Tuấn Sơn năm 2010

## Khoá luận tốt nghiệp

### Biểu 2.5:

Công ty TNHH TM Tuấn Sơn  
Số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

## SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên mặt hàng: Laptop Sony Vaio

Kho: tại công ty

Mã hàng hóa: SV26556

Năm 2010

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
06/12/10	HĐ GTGT 98964	06/12/10	Xuất bán cho khách lẻ	111	01	35.900.000		35.900.000
08/12/10	HĐ GTGT 98968	08/12/10	xuất bán cho công ty CP Harbour View HP	111	03	35.900.000		107.700.000
20/12/10	HĐ GTGT 98985	20/12/10	Xuất bán cho cty Hanvico	112	02	35.900.000		71.800.000
			<b>Cộng số phát sinh</b>					215.400.000
			- Doanh thu thuần					215.400.000
			- Giá vốn hàng bán					165.000.000
			- Lãi gộp					50.400.000

**Người ghi sổ**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký và ghi rõ họ tên)

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Tuấn Sơn\_năm 2010*

## Khoá luận tốt nghiệp

Biểu 2.6:

Công ty TNHH TM Tuấn Sơn  
Số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

### SỔ CÁI

**Số hiệu TK: 511**

**Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

*Năm 2010*

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu tháng</b>			
02/12/10	HĐ GTGT 98902	02/12/10	Thay cartridge - Dương (Ủy ban NDTP HP)	131		1.136.364
...	...	...	...	...	...	...
06/12/10	HĐ GTGT 98964	06/12/10	xuất bán SV26556 cho khách lẻ	111		35.900.000
08/12/10	HĐ GTGT 98968	08/12/10	xuất bán máy tính laptop Sony vaio	111		107.700.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Kết chuyển doanh thu	911	716.331.105	
			<b>Cộng SPS tháng 12</b>		716.331.105	716.331.105
			<b>Số dư cuối tháng</b>			
			<b>Cộng lũy kế</b>			

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*  
**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Tuấn Sơn\_năm 2010*

**2.3.1.2. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm 2010 của công ty TNHH Thương mại Tuấn Sơn là từ hoạt động gửi tiền vào tài khoản ngân hàng, hưởng chiết khấu thanh toán do thanh toán sớm.

**+ Tài khoản sử dụng:**

***TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính***

Dùng phản ánh doanh thu tiền lãi và doanh thu hoạt động tài chính khác của Công ty đã được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt doanh thu đã thu được hay sẽ thu được tiền.

**+ Chứng từ làm cơ sở hạch toán:** Giấy báo có, Sao kê tài khoản ngân hàng, Phiếu kế toán, Phiếu thu.

Khi nhận được chứng từ làm cơ sở hạch toán kế toán vào sổ nhật ký chung, sau đó vào sổ cái TK 515.

**+ Sổ sách sử dụng:**

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 515

**Ví dụ 2.2:**

Ngày 30/12/2010, ngân hàng kỹ thương Techcombank trả lãi tiền gửi thanh toán cho công ty, số tiền 195.530 đồng.

## Khoá luận tốt nghiệp

### Biểu 2.7:

NGÂN HÀNG CPTM KỸ THƯƠNG VIỆT NAM  
HPG-TCB HAI PHONG  
MST: 0100230800-004



Theo công văn số 21208/CT/AC  
Cục thuế Hà Nội

## PHIẾU BÁO CÓ

Trang 1/1  
Số 0256

Ngày 30 tháng 12 năm 2010

Kính gửi : CT TNHH TM TUAN SON

Số tài khoản :150.10000020.17

Địa chỉ : SO 26 DIEN BIEN PHU NGO QUYEN HP

Loại tiền : VND

Mã số thuế: 0200438827

Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN

Số ID khách hàng: 31137696

Số bút hạch toán: 2113113769126-311211242

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Trả lãi tiền gửi	195,530.00
<b>Tổng số tiền</b>	<b>195,530.00</b>

Số tiền bằng chữ : **Một trăm chín lăm nghìn năm trăm ba mươi VND chẵn**

Trích yếu : Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 12/2010

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

TECHCOMBANK HAI PHONG
<b>PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG</b>
Số 5 Lý Tự Trọng - Hồng Bàng - HP



## Khoá luận tốt nghiệp

Biểu 2.8:

Công ty TNHH TM Tuấn Sơn  
Số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

### NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: **Đồng**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	
...	...	...	...	...	...	...
29/12/10	HD GTGT 99156	29/12/10	Đổ mực máy in (Ủy ban NDTP Hải Phòng)	131	511	90.909
				131	333	9.091
29/12/10	PXK 69/12	29/12/10	Giá vốn mực máy in	632	156	28.832
29/12/10	GBC 955	29/12/10	Thu công nợ	112	131	154.138.000
29/12/10	PC 58/12	29/12/10	Phí chuyển tiền NH VID	642	111	33.000
30/12/10	PC 59/12	30/12/10	Mua 2 quyển séc (NH VID)	642	111	43.000
30/12/10	UNC 46/12	30/12/10	Nộp tiền BHXH (5/12) (BHXH quận Ngô Quyền)	338	112	11.600.000
30/12/10	HD GTGT 99157	30/12/10	Xuất bán vật tư máy tính- Linh (cty Sừng Lâm)	131	511	300.000
				131	333	30.000
30/12/10	PXK 70/12	30/12/10	Giá vốn vật tư máy tính	632	156	266.240
30/12/10	PBC 189	30/12/10	NH VID PUBLIC trả lãi TG	112	515	255.450
30/12/10	PBC 0256	30/12/10	NH Techcombank trả lãi tiền gửi	112	515	195.530
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng lũy kế</b>			<b>15.057.476.869</b>

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguồn trích: Công ty TNHH TM Tuấn Sơn\_năm 2010

## Khoá luận tốt nghiệp

Biểu 2.9:

Công ty TNHH TM Tuấn Sơn  
Số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

### SỔ CÁI

Số hiệu TK: 515

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu tháng</b>			
30/12/10	PBC 189	30/12/10	Ngân hàng VID PUBLIC trả lãi tiền gửi	112		255.450
30/12/10	PBC 0256	30/12/10	Ngân hàng Techcombank trả lãi tiền gửi	112		195.530
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	450.980	
			<b>Cộng SPS tháng 12</b>		450.980	450.980
			<b>Số dư cuối tháng</b>			
			<b>Cộng lũy kế</b>			

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguồn trích: Công ty TNHH TM Tuấn Sơn\_năm 2010

### **2.3.1.3. Kế toán thu nhập khác**

Thu nhập khác là thu từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

#### **+ Tài khoản sử dụng:**

*TK 711 : Thu nhập khác*

#### **+ Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán
- Phiếu thu

#### **+ Sổ sách sử dụng:**

Sổ cái TK 711

Trong năm 2010, công ty không phát sinh khoản thu nhập khác.

### **2.3.2. Kế toán chi phí**

#### **2.3.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán**

#### **+ Căn cứ tính giá vốn**

Trị giá vốn của hàng bán chính là trị giá mua thực tế của hàng bán ra gồm trị giá mua và chi phí mua.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá vốn} & & & & \\ \text{hàng tiêu thụ} & = & \text{Giá mua ghi} & + & \text{Chi phí} \\ & & \text{trên hoá đơn} & & \text{thu mua} \end{array}$$

#### **+ Phương pháp tính giá vốn hàng bán:**

Công ty tính giá xuất kho theo phương pháp Nhập trước - Xuất trước.

#### **+ Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn mua hàng
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho

#### **+ Tài khoản sử dụng:**

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK156: Hàng hóa

#### **+ Quy trình hạch toán**

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

- Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán tập hợp hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, chứng từ liên quan làm căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký chung và sổ cái TK 156, 632.

- Căn cứ vào giá vốn hàng bán, kế toán sẽ vào sổ chi tiết giá vốn hàng bán.

- Cuối tháng hoặc định kỳ, kế toán tiến hành tổng hợp số liệu ở sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

### **Ví dụ 2.3:**

Ngày 08/12/2010 xuất kho hàng hóa bán cho Công ty Cổ phần Harbour View 3 laptop Sony vaio, đơn giá 35.900.000 đồng/chiếc (giá chưa thuế VAT 10%), đã thu bằng tiền mặt.

## Khoá luận tốt nghiệp

Biểu 2.10:

Công ty TNHH TM Tuấn Sơn  
Số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

### SỔ CÁI

Số hiệu TK: 632

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu tháng</b>			
...	...	...	...	...	...	...
08/12/10	PXK 18/12	08/12/10	GV máy tính laptop SV	156	82.500.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		543.570.567
			<b>Cộng SPS tháng 12</b>		543.570.567	543.570.567
			<b>Số dư cuối tháng</b>			
			<b>Cộng lũy kế</b>			

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguồn trích: Công ty TNHH TM Tuấn Sơn\_năm 2010

### **2.3.2.2. Kế toán chi phí Quản lý kinh doanh**

#### **✚ Chi phí bán hàng**

➤ **Chi phí bán hàng** là một bộ phận của chi phí lưu thông phát sinh nhằm thực hiện các nghiệp vụ bán hàng hoá kinh doanh trong kỳ báo cáo. Chi phí bán hàng của công ty thương mại bao gồm các khoản sau:

- *Chi phí nhân viên bán hàng*: tiền lương nhân viên bán hàng và các khoản trích theo lương của nhân viên bán hàng.
- *Chi phí khấu hao tài sản cố định*.
- *Chi phí mua ngoài bao gồm*: Chi phí vận chuyển bốc xếp, tiền điện, nước, điện thoại phục vụ công tác bán hàng.
- *Chi phí bằng tiền mặt khác*: Các khoản chi không thuộc nội dung trên, được chi bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hoặc tiền tạm ứng.

Trường hợp chi phí phát sinh liên quan tới lô hàng bán theo phương thức vận chuyển thẳng thì mọi chi phí phát sinh liên quan đều ghi vào giá vốn thực tế của hàng vận chuyển đã bán.

#### ➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Cước phí vận tải, vé máy bay, tàu hỏa...
- Phiếu chi, Giấy tạm ứng
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ khấu hao.....

#### ➤ **Tài khoản sử dụng**

- TK 6421: Chi phí bán hàng
- Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,.....

#### ➤ **Quy trình hạch toán**

Từ các chứng từ gốc như giấy báo nợ, hợp đồng, cước phí vận tải, vé máy bay, tàu hỏa,... kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung, sổ cái và sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 6421. Cuối tháng kế toán sẽ tập hợp và kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

### **Chi phí quản lý doanh nghiệp**

➤ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều loại, như chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

*Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty bao gồm:*

- Lương của nhân viên quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí khấu hao và sửa chữa tài sản cố định dùng cho bộ phận quản lý DN.

- Chi phí xăng xe, cầu đường, công tác phí...

- Chi phí bằng tiền khác.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi, Hoá đơn GTGT

- Bảng phân bổ khấu hao

- Bảng thanh toán lương,....

➤ **Tài khoản sử dụng**

- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp - phản ánh tập hợp các CPKD, CPQL hành chính và các chi phí khác liên quan đến HĐ của cả DN.

- Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,.....

➤ **Quy trình hạch toán**

Từ các chứng từ gốc như giấy báo nợ, hợp đồng, cước phí vận tải, vé máy bay, tàu hỏa,... kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung, sổ cái và sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 6422. Cuối tháng kế toán sẽ tập hợp và kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

### **Ví dụ 2.4:**

Ngày 31/12/2010, kế toán tiến hành trích khấu hao TSCĐ tháng 12.

**Biểu 2.11:**

Công ty TNHH TM Tuấn Sơn  
Số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

**BẢNG TÍNH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

*Tháng 12 năm 2010*

Số TT	Tên tài sản	Nguyên giá (đồng)	Thời gian khấu hao (Năm)	TK đối ứng		Số tiền (đồng)
				Nợ	Có	
...	...	...	...	...	...	...
2	Ô tô Starex	350.000.000	6	642	214	4.861.111
3	Ô tô Huyndai	348.897.000	6	642	214	4.845.792
	<b>Tổng cộng</b>	<b>862.764.488</b>				<b>11.648.283</b>

**Kế toán**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*  
**Giám đốc**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Tuấn Sơn năm 2010*



## Khoá luận tốt nghiệp

---

Biểu 2.12:

Công ty TNHH TM Tuấn Sơn  
Số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

Số: 08/12

### PHIẾU KẾ TOÁN

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Nội dung	TK	Vụ việc	PS nợ	PS có
Trích KH TSCĐ tháng 12	642		11.648.283	
Trích KH TSCĐ tháng 12	214			11.648.283
<b>Cộng</b>			11.648.283	11.648.283

Bằng chữ: Mười một triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm tám ba đồng chẵn.

**Kế toán trưởng**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*  
**Người lập biểu**

## Khoá luận tốt nghiệp

Biểu 2.13:

Công ty TNHH TM Tuấn Sơn  
Số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

### NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/10	PKT 08/12	31/12/10	Trích KH TSCĐ tháng 12	642	214	11.648.283
31/12/10	PT 66/12	31/12/10	Rút TGNH nhập quỹ TM (Ngân hàng Techcombank)	111	112	10.000.000
31/12/10	GBN 825	31/12/10	Trả lãi tiền vay NH VID	635	112	7.233.334
31/12/10	GBN 826	31/12/10	Phí dịch vụ tin nhắn (Ngân hàng VID PUBLIC)	642	112	21.450
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Kết chuyển doanh thu	511	911	716.331.105
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515	911	450.980
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	543.570.567
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Kết chuyển CP QLKD	911	642	124.908.817
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Kết chuyển CP tài chính	911	635	8.233.334
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Kết chuyển thuế TNDN	911	8211	10.017.342
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Lợi nhuận chưa phân phối	911	421	30.052.025
31/12/10	PKT 10/12	31/12/10	XĐ Thuế TNDN phải nộp	8211	3334	10.017.342
31/12/10	PKT 11/12	31/12/10	K/c thuế GTGT được khấu trừ	333	133	84.530.233
			<b>Cộng lũy kế</b>			<b>15.057.476.869</b>

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*  
**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Tuấn Sơn năm 2010*

## Khoá luận tốt nghiệp

Biểu 2.14:

Công ty TNHH TM Tuấn Sơn  
Số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

### SỔ CÁI

**Số hiệu TK: 642**

**Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh**

*Năm 2010*

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu tháng</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/10	PKT 08/12	31/12/10	Trích KH TSCĐ tháng 12	214	11.648.283	
31/12/10	GBN 826	31/12/10	Phí dịch vụ tin nhắn (Ngân hàng VID PUBLIC)	112	21.450	
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Kết chuyển CP QLKD	911		124.908.817
			<b>Cộng SPS tháng 12</b>		124.908.817	124.908.817
			<b>Số dư cuối tháng</b>			
			<b>Cộng lũy kế</b>			

**Kế toán**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*  
**Giám đốc**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Tuấn Sơn\_năm 2010*

## Khoá luận tốt nghiệp

Biểu 2.15:

Công ty TNHH TM Tuấn Sơn  
Số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

### SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

**Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý kinh doanh**

**Tên sản phẩm, dịch vụ: .....**

*Năm 2010*

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu tháng</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/10	PKT 08/12	31/12/10	Trích KH TSCĐ tháng 12	214	11.648.283	
31/12/10	GBN 826	31/12/10	Phí dịch vụ tin nhắn (Ngân hàng VID PUBLIC)	112	21.450	
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Kết chuyển CP QLKD	911		124.908.817
			<b>Cộng SPS tháng 12</b>		124.908.817	124.908.817
			<b>Số dư cuối tháng</b>			

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*  
**Kế toán trưởng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Tuấn Sơn\_năm 2010*

### **2.3.2.3. Chi phí tài chính**

*TK 635: Chi phí tài chính* - phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

*TK 635* phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí.

*Không* hạch toán vào *TK 635* những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí QLDN;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí tài chính khác.

#### **✚ Tài khoản sử dụng:**

*TK 635: Chi phí hoạt động tài chính*

#### **✚ Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo nợ
- Phiếu chi

#### **✚ Sổ sách sử dụng:**

Sổ cái *TK 635*

#### **Ví dụ 2.5:**

Ngày 10/12/2010 thanh toán phí kiểm đếm tiền tại Ngân hàng kỹ thương Techcombank bằng tiền mặt 55.000 (đã bao gồm VAT 10%)

## Khoá luận tốt nghiệp

### Biểu 2.16:

NGÂN HÀNG CPTM KỸ THƯƠNG VIỆT NAM  
HPG-TCB HAI PHONG  
MST: 0100230800-004

Theo công văn số 21208/CT/AC  
Cục thuế Hà Nội



## PHIẾU BÁO NỢ

(Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ)

Trang 1/1  
Số 0346

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Kính gửi : CT TNHH TM TUAN SON

Số tài khoản : 150.10000020.17

Địa chỉ : SO 26 DIEN BIEN PHU NGO QUYEN HP

Loại tiền : VND

Mã số thuế: 0200438827

Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN

Số ID khách hàng: 31137696

Số bút hạch toán: 0991991547904-199099020

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
PHI KIEM DEM TIEN	50,000.00
Thuê giá trị gia tăng phải nộp	5,000.00
Tổng phí + VAT	55,000.00
<b>Tổng số tiền</b>	<b>55,000.00</b>

Số tiền bằng chữ: Lăm mươi lăm nghìn VND chẵn

Trích yếu: THU PHI KIEM DEM-CT TNHH TM TUAN SON

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

TECHCOMBANK HAI PHÒNG
<b>PHÒNG DỊCH VỤ</b>
<b>KHÁCH HÀNG</b>
Số 5 Lý Tự Trọng - Hồng Bàng - HP

## Khoá luận tốt nghiệp

---

Biểu 2.17:

**Công Ty TNHH TM Tuấn Sơn**  
26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải phòng  
Tel: 0313.551903 - Fax: 0313.550520

**Mẫu số: 02-TT**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### Phiếu chi

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

**Nợ: 331**

**Số: 33/12**

**Có: 111**

**Người nhận:** Bùi Thị Hương

**Địa chỉ:** Phòng kế toán

**Lý do chi:** Thanh toán phí kiểm đếm tiền tại Ngân hàng

**Số tiền:** 55 000 Đồng

**Bằng chữ:** Lăm lăm ngàn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Lăm lăm ngàn đồng chẵn.

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận tiền**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)

## Khoá luận tốt nghiệp

Biểu 2.18:

Công ty TNHH TM Tuấn Sơn  
Số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

### NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	
...	...	...	...	...	...	...
09/12/10	PT 44/12	09/12/10	Thu tiền 01 nguồn 550	111	131	250.000
09/12/10	PC 31/12	09/12/10	Thanh toán tiền hàng 05/12	331	111	255.708.000
09/12/10	PC 32/12	09/12/10	Chi mua đồ dùng văn phòng	642	111	92.000
10/12/10	PBC 557	10/12/10	Thu tiền mực photo T11	112	131	650.000
10/12/10	PC 33/12	10/12/10	Thanh toán phí kiểm đếm tiền	635	111	55.000
10/12/10	PC 34/12	10/12/10	Chi nộp tiền vào TK NH Agribank	112	111	50.000.000
11/12/10	PT 45/12	11/12/10	Sở y tế HP trả tiền hàng	111	131	11.275.000
11/12/10	PT 46/12	11/12/10	NH TMCP Hàng hải trả tiền mực in	111	131	300.000
11/12/10	PT 47/12	11/12/10	Thu tiền 01 đèn chụp 4027 (85V) (Bán lẻ)	111	131	132.000
11/12/10	PBC 558	11/12/10	Thu tiền 01 máy in màu HP 1515 (Ủy ban NDTP HP)	112	131	9.250.000
11/12/10	HĐTT 25641	11/12/10	Thuê taxi vận chuyển máy photo cho Sở giáo dục	641	111	70.000
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng lũy kế</b>			<b>15.057.476.869</b>

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Tuấn Sơn\_năm 2010*



## Khoá luận tốt nghiệp

Biểu 2.19:

Công ty TNHH TM Tuấn Sơn  
Số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

### SỔ CÁI

**Số hiệu TK: 635**

**Tên tài khoản: Chi phí tài chính**

*Năm 2010*

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu tháng</b>			
...	...	...	...	...	...	...
10/12/10	PC 33/12	10/12/10	Thanh toán phí kiểm đếm tiền	111	55.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/10	GBN 825	31/12/10	Trả lãi tiền vay ngắn hạn	112	7.233.334	
31/12/10	PKT 09/12	31/03/10	Kết chuyển chi phí tài chính	911		
			<b>Cộng SPS tháng 12</b>		<b>8.233.334</b>	<b>8.233.334</b>
			<b>Số dư cuối tháng</b>			
			<b>Cộng lũy kế</b>			

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*  
**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Tuấn Sơn năm 2010*

#### **2.3.2.4. Kế toán chi phí khác**

Chi phí khác là chi phí bao gồm: chi phí khắc phục sự cố cháy nổ, chi biểu tặng, chi phí thanh lý TSCĐ, ...

**✚ Tài khoản sử dụng:**

*TK 811: Chi phí khác*

**✚ Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán
- Phiếu chi

**✚ Sổ sách sử dụng:**

Sổ cái TK 811

Trong năm 2010, công ty không phát sinh khoản chi phí khác

#### **2.3.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

**Kết quả kinh doanh** là chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh của Công ty. Kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ. Vì vậy ngoài các chỉ tiêu về doanh thu, thu nhập để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ, kế toán tập hợp các khoản chi phí trên thông qua các tài khoản sau:

*TK 632:* Giá vốn hàng bán

*TK 635:* Chi phí tài chính

*TK 642:* Chi phí quản lý kinh doanh

- TK 6421: Chi phí bán hàng
- TK 6422: Chi phí quản lý Doanh nghiệp

*TK 811:* Chi phí khác

Kế toán sử dụng *TK 911* để xác định kết quả kinh doanh, phương pháp hạch toán như sau:

Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh là các số dư cuối quý, cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711, TK 632, TK 635, TK 642, TK 811. Số dư cuối quý, cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 được kết chuyển vào bên

có TK 911. Số dư cuối quý, cuối năm của các TK còn lại được kết chuyển vào bên nợ TK 911.

*Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh như sau:*

- Nếu số tiền dư bên Nợ TK 911, tức là trong quý, năm kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là lỗ và số tiền này được kết chuyển sang Nợ TK 421 - "Lợi nhuận chưa phân phối".

- Nếu số tiền dư bên Có TK 911, tức là trong quý, năm kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là lãi, số tiền này được kết chuyển sang bên Có TK 421.

**Kết quả kinh doanh = DT – CP + KQ TC + LN khác**

**Trong đó:**

**Chi phí (CP):** Chi phí giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Kết quả tài chính (KQTC):** là số chênh lệch giữa doanh thu tài chính (TK 515) và chi phí tài chính (TK 635).

**Lợi nhuận khác (LN khác):** Là số chênh lệch giữa thu nhập khác (TK 711) và chi phí khác (TK 811).

**2.3.4. Hạch toán phân phối kết quả kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động của Công ty trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Kết quả kinh doanh được biểu hiện qua chỉ tiêu "lãi" hoặc "lỗ". Căn cứ vào chế độ tài chính hiện hành thu nhập của Công ty được phân phối như sau:

(1): Nộp thuế TNDN theo quy định với mức lãi suất 25%.

(2): Bù lỗ các khoản năm trước.

*Quá trình vào sổ tương tự như doanh thu bán hàng.*

** Tài khoản sử dụng:**

**TK 911: Xác định kết quả kinh doanh**

Các TK liên quan khác:

TK 821: Chi phí thuế TNDN

## Khoá luận tốt nghiệp

TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

**Chứng từ sử dụng:**

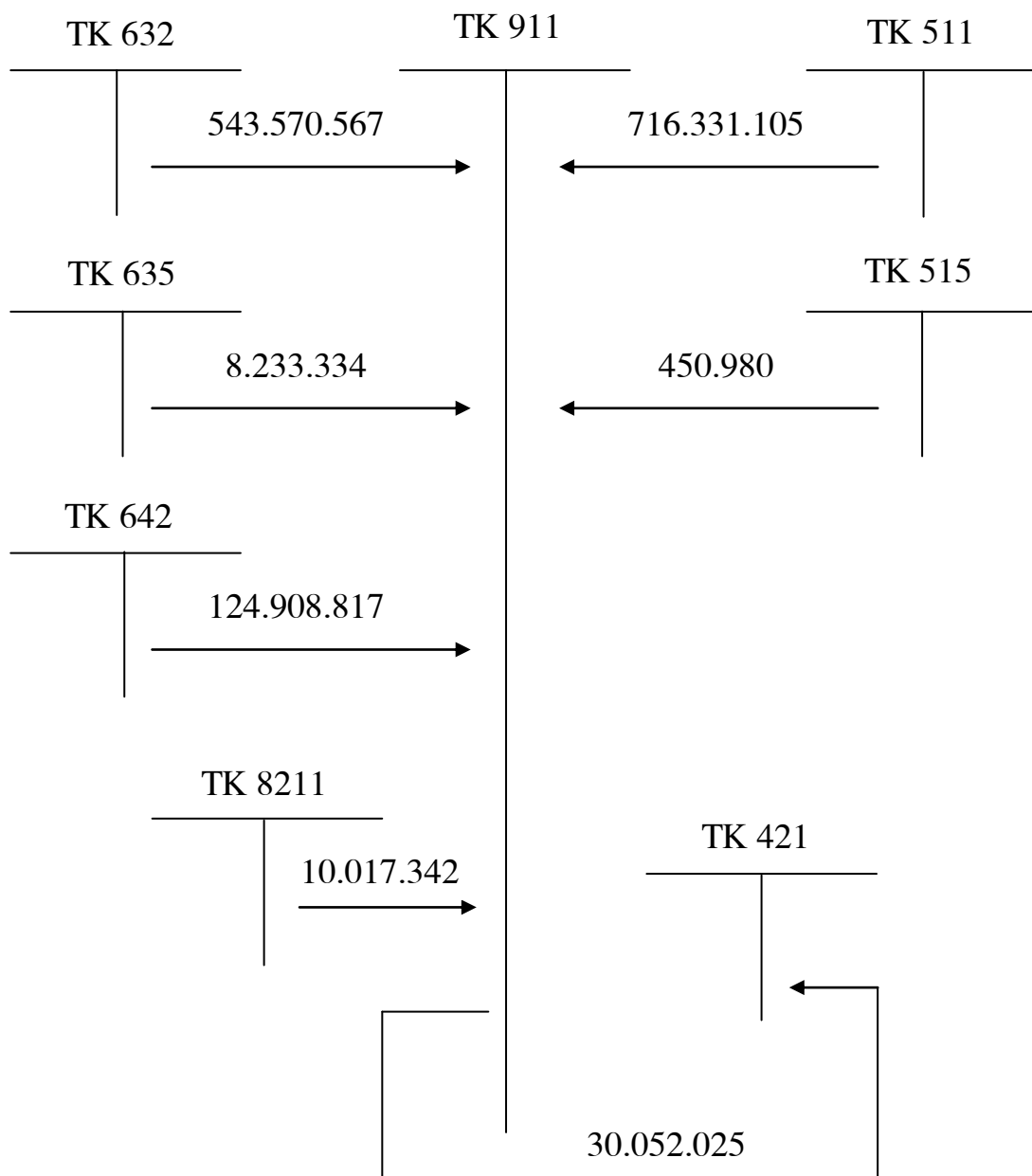
Phiếu kế toán

**Sổ sách sử dụng:**

Sổ cái TK 911, 821, 421

**Ví dụ 2.6:**

Xác định kết quả kinh doanh T12/2010 của Công ty TNHH Thương mại Tuấn Sơn. Kế toán tiến hành tập hợp chi phí phát sinh trong tháng như: Chi phí giá vốn hàng bán, Chi phí quản lý kinh doanh, Chi phí tài chính kết chuyển vào TK 911.



## Khoá luận tốt nghiệp

Biểu 2.20:

Công ty TNHH TM Tuấn Sơn  
Số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

Số: 09/12

### PHIẾU KẾ TOÁN

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Nội dung	TK	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển doanh thu BH và CCDV	511		716.331.105	
Kết chuyển doanh thu BH và CCDV	911			716.331.105
Kết chuyển doanh thu hđ tài chính	515		450.980	
Kết chuyển doanh thu hđ tài chính	911			450.980
Kết chuyển chi phí	911		676.712.718	
Kết chuyển giá vốn	632			543.570.567
Kết chuyển chi phí tài chính	635			8.233.334
Kết chuyển chi phí QLKD	642			124.908.817
Kết chuyển CP thuế TNDN phải nộp	911		10.017.342	
Kết chuyển CP thuế TNDN phải nộp	8211			10.017.342
Kết chuyển lãi	911		30.052.025	
Kết chuyển lãi	421			30.052.025
<b>Cộng</b>			1.433.564.170	1.433.564.170

Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm ba mươi ba triệu năm trăm sáu mươi tư nghìn một trăm bảy mươi đồng chẵn.

**Kế toán trưởng**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*  
**Người lập biểu**

## Khoá luận tốt nghiệp

Biểu 2.21:

Công ty TNHH TM Tuấn Sơn  
Số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

### SỔ CÁI

**Số hiệu TK: 911**

**Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh**

*Năm 2010*

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu tháng</b>			
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Kết chuyển doanh thu	511		716.331.105
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		450.980
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	543.570.567	
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Kết chuyển chi phí tài chính	635	8.233.334	
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	124.908.817	
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	8211	10.017.342	
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Kết chuyển lãi	421	30.052.025	
			<b>Cộng SPS tháng 12</b>		<b>716.782.085</b>	<b>716.782.085</b>
			<b>Số dư cuối tháng</b>			
			<b>Cộng lũy kế</b>			

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*  
**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

## Khoá luận tốt nghiệp

Biểu 2.22:

Công ty TNHH TM Tuấn Sơn  
Số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

### SỔ CÁI

Số hiệu TK: 821

**Tên tài khoản: Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp**

*Năm 2010*

*Đơn vị tính: Đồng*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu tháng</b>			
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911		10.017.342
31/12/10	PKT 10/12	31/12/10	Xác định thuế TNDN phải nộp T12	3334	10.017.342	
			<b>Cộng SPS tháng 12</b>		10.017.342	10.017.342
			<b>Số dư cuối tháng</b>			
			<b>Cộng lũy kế</b>			

**Kế toán**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*  
**Giám đốc**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Tuấn Sơn\_năm 2010*

## Khoá luận tốt nghiệp

---

Biểu 2.23:

Công ty TNHH TM Tuấn Sơn  
Số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

### SỔ CÁI

**Số hiệu TK: 421**

**Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối**

*Năm 2010*

**Đơn vị tính: Đồng**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu tháng</b>			59.010.475
31/12/10	PKT 09/12	31/12/10	Kết chuyển lãi	911		30.052.025
			<b>Cộng SPS tháng 12</b>			<b>30.052.025</b>
			<b>Số dư cuối tháng</b>			89.062.500
			<b>Cộng lũy kế</b>			

**Kế toán**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*  
**Giám đốc**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Tuấn Sơn\_năm 2010*



## Khoá luận tốt nghiệp

Mẫu số: B-02/DNN  
( Ban hành kèm theo QĐ số  
48/2006/QĐ –BTC ngày 14/09/2006  
của Bộ trưởng BTC )

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH Năm 2010

Người nộp thuế: Công ty TNHH Thương mại Tuấn Sơn

Mã số thuế:

0	2	0	0	4	3	8	8	2	7
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--

Địa chỉ trụ sở: 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải Phòng

Điện thoại:

Fax:

Email:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	6.989.654.697	4.839.119.989
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10=01-02 )</b>	<b>10</b>		<b>6.989.654.697</b>	<b>4.839.119.989</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		5.909.496.569	3.851.698.019
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20=10-11 )</b>	<b>20</b>		<b>1.080.158.128</b>	<b>987.421.970</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.980.899	1.110.788
7. Chi phí tài chính	22		112.620.832	81.239.091
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		112.620.832	81.239.091
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		850.768.195	824.701.824
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ( 30= 20 + 21 – 22 - 24 )</b>	<b>30</b>		<b>118.750.000</b>	<b>82.591.843</b>
10. Thu nhập khác	31			
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác ( 40 = 31 – 32 )	40			
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50 = 30 + 40 )</b>	<b>50</b>	<b>IV.09</b>	<b>118.750.000</b>	<b>82.591.843</b>
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	60		29.687.500	20.647.961
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ( 60 = 50 - 51 )</b>	<b>60</b>		<b>89.062.500</b>	<b>61.943.882</b>

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

---

## CHƯƠNG III

# HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TUẤN SƠN

### 3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TUẤN SƠN

Công ty TNHH Thương mại Tuấn Sơn là một công ty có uy tín lớn với nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trên thương trường. Công ty có chế độ khen thưởng phù hợp, khuyến khích tinh thần làm việc của công nhân viên. Ngoài ra hàng năm công ty tổ chức các chuyến thăm quan cho cán bộ công nhân viên góp phần tăng thêm gắn bó lâu dài của cán bộ công nhân viên với công ty.

Công tác kế toán của công ty nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý như giúp doanh nghiệp kiểm soát tình hình thực tế đồng thời đưa ra những quyết định quản lý, chiến lược kinh doanh phù hợp và hiệu quả.

#### 3.1.1. Kết quả đạt được:

Qua quá trình thực tập, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Tuấn Sơn đã đạt được một số kết quả như sau:

##### Về tổ chức bộ máy kế toán:

Như đã trình bày tại phần 2.1.4.1 bộ máy kế toán tại công ty được tổ chức theo mô hình tập trung là phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty.

Bộ máy kế toán được tổ chức gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động có hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc bất kiêm nhiệm, nguyên tắc phân công phân nhiệm, nguyên tắc phê chuẩn ủy quyền. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng hợp lý, phù hợp với trình độ chuyên môn từng người. Mỗi nhân viên kế

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phân hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Chính vì vậy nên tổ chức công tác kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những gian lận, sai sót. Bên cạnh đó, các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình trong công việc nên công tác kế toán tại công ty ít khi xảy ra sai sót. Phần lớn nhân viên kế toán là những người đã gắn bó với công ty từ những ngày đầu thành lập, thuần thục các quy trình kế toán do công ty thiết lập, am hiểu chế độ, chính sách kế toán và có tinh thần cầu tiến, không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.

### **✚ Về hình thức kế toán:**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Đây có thể xem là hình thức kế toán phù hợp với 1 công ty vừa và nhỏ như công ty TNHH TM Tuấn Sơn vì đây là hình thức kế toán rõ ràng, dễ hiểu, đơn giản, không những giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu mà còn tiết kiệm được thời gian công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời.

### **✚ Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:**

- *Tổ chức kế toán doanh thu:* Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh.

- *Công tác kế toán chi phí:* Chi phí là một vấn đề quan trọng mà nhà quản lý luôn luôn quan tâm, theo dõi, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí dẫn đến giảm lợi nhuận. Chính vì vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty TNHH TM Tuấn Sơn bước đầu đảm bảo được

tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh. Từ đó giúp cho các nhà quản trị trong công ty nhanh chóng có những quyết định có lợi cho công ty.

- *Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh*: đã phân nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

### Về việc sử dụng chứng từ, sổ sách kế toán tại công ty:

Nhìn chung công ty đã sử dụng tương đối đầy đủ các tài khoản và sổ sách dùng để hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- *Chứng từ sử dụng*: Bên cạnh các chứng từ bắt buộc phải có trong việc ghi nhận doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như: hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, phiếu thu, phiếu kế toán, ... công ty còn sử dụng các chứng từ khác nhằm đảm bảo các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều có thật, chính xác đồng thời giúp cho công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được nhanh chóng, thuận tiện như: Bảng kê bán lẻ hàng hóa, Bảng kê bán hàng và thu tiền trong ngày. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ. Vì vậy đảm bảo tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

- *Tài khoản, sổ sách sử dụng*: nhìn chung công ty đã sử dụng tương đối đầy đủ và thống nhất các tài khoản và sổ sách dùng để hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC. Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng sạch sẽ và được lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của Nhà nước.

### **3.1.2. Hạn chế:**

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Tuấn Sơn vẫn còn có những hạn chế nhất định:

***3.1.2.1. Về việc thu hồi doanh thu từ hoạt động bán chịu cho khách hàng quen hoặc KH mua hàng với số lượng lớn***

Thông qua việc xem xét, nghiên cứu các số chi tiết bán hàng theo các hình thức thanh toán (thanh toán ngay và thanh toán chậm trả) thì doanh thu tiêu thụ từ hình thức chậm trả chiếm tỷ trọng không nhỏ trong tổng doanh thu. Trong khi đó việc theo dõi, đôn đốc khách hàng thanh toán chưa được thực hiện kịp thời. Điều đó có thể dẫn đến tình trạng nợ nần dây dưa, sẽ ảnh hưởng đến quá trình thu hồi vốn để tiếp tục sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp bị chiếm dụng vốn trong thời gian dài.

## Khoá luận tốt nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2010

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	Công nợ đến 31/12/2010		Ghi chú
		Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ	
1	Trung tâm dạy nghề Ngô Quyền	32.550.000		Phát sinh ngày 3/9/2009, hạn tt 18/9/2009
2	Công ty Cổ phần Công Hân	59.865.250		Phát sinh ngày 5/10/2009, hạn tt 5/12/2009 - không thu hồi được
3	Trung tâm thông tin tin học	469.785.000		Đang chờ giấy báo có của Ngân hàng
4	Công ty AMWAY		35.180.000	Khách hàng đặt tiền trước
5	Công ty NAKANO		192.500.000	Khách hàng đặt tiền trước
6	Công ty điện khí Đông Phương Trung Quốc	109.286.000		Phát sinh ngày 15/02/2010, quá hạn thanh toán 07 tháng
7	Nhà máy đóng tàu Sông Cẩm	79.503.000		Đang chờ giấy báo có của Ngân hàng
8	Công ty Đại Phong		250.950.883	Khách hàng đặt tiền trước
9	Trường cao đẳng nghề Bách Nghệ	258.960.950		Phát sinh ngày 12/03/2010, hạn tt 12/06/2010 quá hạn thanh toán trên 06 tháng
10	Khách lẻ		10.000.000	Khách hàng đặt tiền trước
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.009.950.200</b>	<b>488.630.883</b>	

Kế toán trưởng

Kế toán viên

*Nguồn trích: Công ty TNHH TM Tuấn Sơn năm 2010*

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

***Dựa theo báo cáo trên thì công ty cần trích lập dự phòng trong năm 2010 đối với khoản nợ sau:***

- Khoản nợ 32.550.600 của Trung tâm dạy nghề quận Ngô Quyền theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 03/09/2009 có hạn thanh toán là 18/09/2009, đã quá hạn thanh toán 01 năm 03 tháng.

- Khoản nợ 109.286.000 của công ty điện khí Đông Phương Trung Quốc theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 15/02/2010 có hạn thanh toán là 15/05/2010, đã quá hạn thanh toán 07 tháng.

- Khoản nợ 258.960.950 của Trường cao đẳng nghề Bách Nghệ HP theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/03/2010 có hạn thanh toán là 12/06/2010, đã quá hạn thanh toán trên 06 tháng.

***Đồng thời công ty phải tiến hành xóa sổ khoản nợ sau:***

Khoản nợ 59.865.250 của công ty CP Công Hân được xác định là không có khả năng thu hồi do công ty này đang trong tình trạng mất khả năng thanh toán.

Tuy nhiên công ty không tiến hành trích lập dự phòng cũng như không tiến hành xử lý xóa sổ. Việc không trích lập nợ phải thu khó đòi có thể dẫn đến ảnh hưởng về mặt tài chính khi trong tương lai doanh nghiệp không thu hồi được nợ.

### ***3.1.2.2. Công ty chưa áp dụng chính sách Chiết khấu cho khách hàng***

Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy doanh số tiêu thụ tăng cao và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp vì khi công ty không áp dụng chính sách chiết khấu sẽ không kích thích được nhu cầu khách hàng, không thu hút nhiều khách hàng.

### ***3.1.2.3. Về kế toán xác định kết quả kinh doanh***

Kế toán tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty theo năm để trình lên Ban giám đốc. Đây là một điểm chưa tích cực bởi việc này làm cho nhà quản lý không thể kịp thời nắm bắt được tình hình tài chính của công ty cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Từ đó đề ra phương hướng, chiến lược phát triển công ty, cũng như đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn.

### ***3.1.2.4. Về việc luân chuyển chứng từ***

Chứng từ kế toán rất quan trọng đối với công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Chính vì thế, công ty đã xây dựng được quy trình luân chuyển chứng từ đối với phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Theo quy trình này, nhân viên bán hàng trực tiếp lập hóa đơn đến cuối ngày mới tập hợp hóa đơn chuyển cho thủ kho và kế toán để ghi sổ sách. Mặc dù có quy trình rõ ràng nhưng do chưa có quy định cụ thể về thời gian nộp chứng từ nên có thể việc luân chuyển chứng từ lên phòng kế toán thường rất muộn. Chính vì vậy, vào cuối ngày và cuối tháng, lượng công việc của kế toán là rất nhiều, dễ xảy ra nhầm lẫn.

### ***3.1.2.5. Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán máy***

Hiện nay công ty chưa có kế hoạch sử dụng phần mềm kế toán máy. Nếu sử dụng một trong các phần mềm kế toán có trên thị trường hiện nay thì kế toán chỉ việc cập nhật các số liệu đầu vào, phần mềm sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán. Từ đó giúp tiết kiệm được thời gian, giảm bớt khối lượng công việc cho kế toán đồng thời giúp đảm bảo độ chính xác khi tính toán. Ngoài ra, phần mềm kế toán còn được thiết kế để đảm bảo có thể cung cấp các báo cáo kế toán quản trị tổng hợp và chi tiết theo nhiều chiều phục vụ tối đa công tác quản trị điều hành.



## **3.2. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TUẤN SƠN**

### **3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Tuấn Sơn**

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Tuấn Sơn chưa được hoàn thiện, gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về doanh thu, chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy nên tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hoàn thiện sẽ giúp cung cấp số liệu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành từ đó giúp kế toán lập các báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước như thế nào và có thể đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa rất quan trọng.

### **3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

#### ***3.2.2.1. Hoàn thiện về việc thu hồi doanh thu từ hoạt động bán chịu***

➤ **Cơ sở kiến nghị:**

Ở công ty, doanh thu tiêu thụ theo hình thức thanh toán chậm trả chiếm một tỷ trọng không nhỏ trong tổng doanh thu. Chính vì vậy, việc giải quyết tình trạng chiếm dụng vốn là một vấn đề nan giải của rất nhiều nhà quản lý. Do khách hàng chậm thanh toán nên doanh nghiệp không có lượng tiền mặt để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Điều này đã ảnh hưởng không tốt đến tình hình tài chính của công ty.

### ➤ Nội dung kiến nghị:

Công ty cần phải theo dõi các khoản công nợ một cách chặt chẽ và thu hồi lại theo đúng hạn định, cũng như có các biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Đối với những khách hàng không có khả năng thanh toán hoặc đã quá hạn thanh toán thì Công ty phải mở thêm sổ để theo dõi riêng những đối tượng này, và thực hiện việc trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh. Dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào TK 1592.

✚ **Mức trích lập:** Theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau:

✓ Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm
- Trên 03 năm thì được coi là khoản nợ không đòi được.

✓ Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

✚ **Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi:**

- Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong Hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa đòi được.

- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng...) đã lâm vào tình trạng phá

## Khoá luận tốt nghiệp

sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

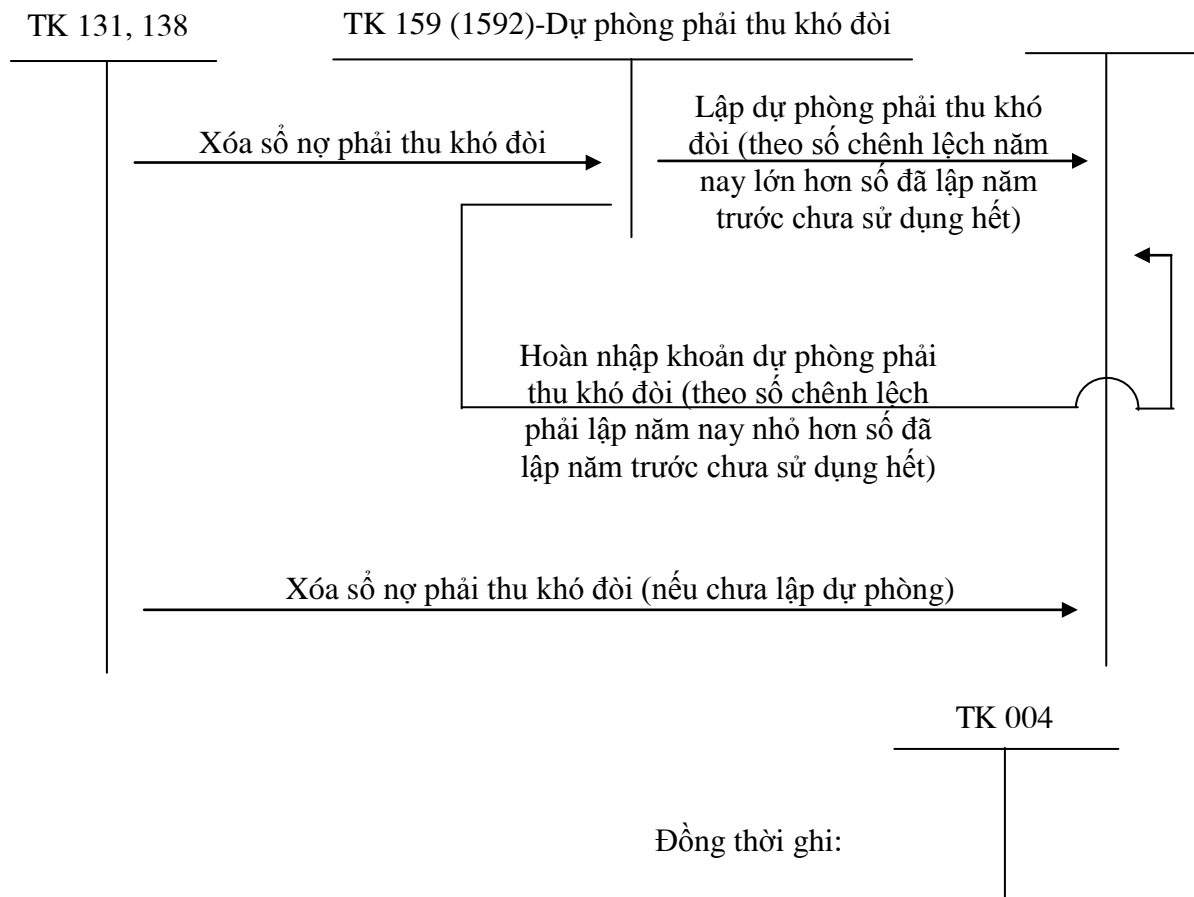
✚ **Các bằng chứng chứng minh các khoản phải thu được coi là phải thu khó đòi:**

- Số tiền phải thu theo dõi được cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi.

- Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ.

### KẾ TOÁN DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

TK 6422



✚ **Phương pháp hạch toán:**

✓ Cuối năm, doanh nghiệp căn cứ vào khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (Nợ phải thu khó đòi), kế toán tính, xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập.

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí:

Nợ TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 1592: Dự phòng phải thu khó đòi

- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch hoàn nhập ghi giảm chi phí:

Nợ TK 1592: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp (Chi tiết hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi)

✓ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được được phép xóa nợ. Việc xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phía theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 1592: Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã lập dự phòng)

Có TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp (nếu chưa lập )

Có TK 131: Phải thu Khách hàng

Có TK 138: Phải thu khác

Đồng thời ghi vào bên Nợ TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý (TK ngoài Bảng Cân đối kế toán)

✓ Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK 111, 112...

Có TK 711: Thu nhập khác

Đồng thời ghi đơn vào bên Có TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý (TK ngoài Bảng Cân đối kế toán)

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

✓ Các khoản nợ phải thu khó đòi có thể được bán cho Công ty mua, bán nợ. Khi doanh nghiệp hoàn thành thủ tục bán các khoản nợ phải thu (đang phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán) cho Công ty mua, bán nợ và thu được tiền ghi:

Nợ TK 111, 112... : Số tiền thu được từ bán các khoản nợ phải thu

Nợ TK 1592: Dự phòng phải thu khó đòi (Số chênh lệch được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi)

Nợ các TK liên quan (Số chênh lệch giữa giá gốc khoản nợ phải thu khó đòi với số tiền thu được từ bán khoản nợ và số đã được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của chính sách tài chính hiện hành)

Có TK 131, 138

### ➤ Lợi ích kiến nghị:

- Kiểm soát được tình hình công nợ, từ đó có những biện pháp phù hợp để thu hồi công nợ một cách hiệu quả và nhanh chóng nhất.
- Giúp công ty đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh

### Ví dụ 3.1:

Giả sử ngày 31/12/2010, kế toán tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên Báo cáo tình hình công nợ (trang 81) như sau:

Tính số dự phòng phải thu khó đòi năm 2010:

$$\begin{aligned}\text{Số dự phòng phải thu khó đòi} &= (32.550.000 \times 0.5) + (109.286.000 \times 0.3) + \\ &\quad (258.960.950 \times 0.3) \\ &= 126.749.085 \text{ (đồng)}\end{aligned}$$

Đối với khoản nợ của khách hàng được xác định là không thể thu hồi, cần xử lý đưa vào chi phí như sau:

Tổng nợ phải thu không thể thu hồi năm 2010 = 59.865.250 (đồng)

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 6422: 59.865.250

Có TK 131: 59.865.250

Nợ TK 004: 59.865.250

## Khoá luận tốt nghiệp

---

### Biểu 3.1:

Công ty TNHH TM Tuấn Sơn  
Số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP

## PHIẾU KẾ TOÁN

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Nội dung	TK	Vụ việc	PS nợ	PS có
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2010	6422		126.749.085	
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2010	1592			126.749.085
<b>Cộng</b>			126.749.085	126.749.085

Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn không trăm tám mươi lăm đồng chẵn.

**Kế toán trưởng**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*  
**Người lập biểu**

### **3.2.2.2. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại**

➤ **Cơ sở kiến nghị:**

Công ty nên xây dựng chính sách chiết khấu thương mại phù hợp với tình hình tiêu thụ tại công ty nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, thu hút thêm nhiều khách hàng.

➤ **Nội dung kiến nghị:**

✚ **Cách thực hiện:**

- Công ty có thể tự xây dựng chính sách chiết khấu thương mại riêng dựa trên sản lượng tiêu thụ, giá thành sản xuất, giá bán thực tế của công ty, giá bán của đối thủ cạnh tranh, giá bán bình quân của sản phẩm trên thị trường.

- Công ty cũng có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của các doanh nghiệp cùng ngành.

Vì không có văn bản quy định cụ thể về mức chiết khấu thương mại và do kinh nghiệm còn hạn chế nên sau khi tham khảo mức chiết khấu thương mại của công ty TNHH thiết bị máy tính Sơn Đạt - là doanh nghiệp cùng ngành, có quy mô kinh doanh và giá bán sản phẩm về thiết bị máy tính tương đương với công ty TNHH Thương mại Tuấn Sơn, em xin đưa ra mức chiết khấu của công ty và áp dụng mức chiết khấu này vào ví dụ 3.2:

▪ Mua hàng có giá trị từ 100.000.000 đồng cho đến dưới 200.000.000 đồng: chiết khấu 0.5%.

▪ Mua hàng có giá trị từ 200.000.000 đồng trở lên: chiết khấu 1.5%.

✚ **Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại:**

Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua từ 100 triệu đến dưới 200 triệu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

Trường hợp khách hàng mua hàng đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thương mại trong 1 đơn hàng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 5211.

### **✚ Phương pháp hạch toán:**

✓ Khi chiết khấu cho khách hàng:

Nợ TK 5211:

Nợ TK 3331:

Có TK 111, 112, 131...:

✓ Kết chuyển:

Nợ TK 511:

Có TK 5211:

### **➤ Lợi ích kiến nghị:**

- Thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, thu hút thêm nhiều khách hàng
- Tăng doanh thu, tăng lợi nhuận

### **Ví dụ 3.2:**

**Giả sử** công ty áp dụng mức chiết khấu mà em đưa ra, vào ngày 15/11/2010, công ty cho công ty Lê Bảo Minh được hưởng chiết khấu thương mại 1.5% trên tổng giá thanh toán cho hóa đơn mua hàng cùng ngày trị giá 233.160.000 đồng (chưa bao gồm VAT 10%). Trong đó, bao gồm 20 bộ máy tính cá nhân để bàn, trị giá 1 bộ là 11.658.000 đồng.

Như vậy số tiền chiết khấu thương mại mà công ty Lê Bảo Minh được hưởng là:

$$\text{Số tiền CK} = (233.160.000 + 233.160.000 \times 10\%) \times 1.5\%$$

$$\leftrightarrow \text{Số tiền CK} = 256.476.000 \times 1.5\%$$

$$\leftrightarrow \text{Số tiền CK} = 3.847.140 \text{ (đồng)}$$

Định khoản như sau:

Nợ TK 5211:                    3.497.400

Nợ TK 3331:                    349.740

Có TK 111:                    3.847.140



## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

Nợ TK 511:                    3.497.400

Có TK 5211:                3.497.400

Sau khi tính toán được số tiền chiết khấu thương mại, kế toán lập phiếu chi (nếu chi bằng tiền mặt), UNC (nếu chi bằng tiền gửi ngân hàng) hoặc lập phiếu kế toán (nếu ghi giảm nợ phải thu khách hàng).

Cuối ngày, kế toán vào các sổ sách có liên quan.

**Khoá luận tốt nghiệp**

Biểu 3.2:

<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 3 : (Nội bộ) Ngày 15 tháng 11 năm 2010		Mẫu số: 01 GTKT-3LL-01 <b>AA/2010T</b> <b>0095350</b>			
Đơn vị bán hàng: Địa chỉ: Số tài khoản: Điện thoại:	Công ty TNHH TM Tuấn Sơn số 26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - HP 050 10000 02017	MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>			
Họ tên người mua hàng: Phạm Thị Vân Tên đơn vị: Công ty Lê Bảo Minh Địa chỉ: Số 520 Lê Thánh Tông - HP Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy tính để bàn CPN	chiếc	20	11.658.000	233.160.000
Cộng tiền hàng: 233.160.000					
Thuế suất GTGT: 10 %					
Tiền thuế GTGT: 23.316.000					
Tổng tiền thanh toán: 256.476.000					
Viết bằng chữ: hai trăm năm sáu triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn đồng chẵn					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên)	
				Hà Thúc Sơn	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

**Biểu 3.3:**

**Công Ty TNHH TM Tuấn Sơn**  
26 Điện Biên Phủ - Ngô Quyền - Hải phòng  
Tel: 0313.551903 - Fax: 0313.550520

**Mẫu số: 02-TT**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**Phiếu chi**

Ngày 15 tháng 11 năm 2010

**Nợ: 5211**

**Số: ...**

**Nợ: 3331**

**Có: 111**

**Người nhận:** Phạm Thị Vân

**Địa chỉ:** Công ty Lê Bảo Minh

**Lý do chi:** Hưởng chiết khấu TM

**Số tiền:** 3.847.140 Đồng

**Bằng chữ:** ba triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi  
đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): .....

Ngày 15 tháng 11 năm 2010

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận tiền**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)

### ***3.2.2.3. Về kế toán xác định kết quả kinh doanh***

Kế toán nên tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty hàng tháng hoặc hàng quý để trình lên Ban giám đốc nhằm giúp nhà quản lý kịp thời nắm bắt được tình hình tài chính của công ty cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Từ đó đề ra phương hướng, chiến lược phát triển công ty, cũng như đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn.

### ***3.2.2.4. Hoàn thiện về việc luân chuyển chứng từ***

Công ty cần quy định cụ thể về thời gian chuyển chứng từ bán hàng và Bảng kê hóa đơn thực xuất trong ngày từ bộ phận bán hàng và thủ kho cho nhân viên kế toán doanh thu để nhân viên kế toán có thể ghi nhận doanh thu kịp thời, giảm khối lượng công việc vào cuối mỗi ngày, mỗi tháng.

### ***3.2.2.5. Về việc sử dụng phần mềm kế toán***

Công ty nên sử dụng một trong các phần mềm kế toán máy đang có mặt trên thị trường như: phần mềm kế toán máy Meta Data, Sas Innova, Misa SME.net, ...Việc sử dụng phần mềm kế toán máy sẽ giúp tiết kiệm được thời gian, giảm bớt khối lượng công việc cho kế toán, đảm bảo độ chính xác khi tính toán đồng thời giúp đảm bảo có thể cung cấp các báo cáo kế toán quản trị tổng hợp và chi tiết theo nhiều chiều phục vụ tối đa công tác quản trị điều hành.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ chính xác, tin cậy cao, giúp cho nhà quản lý đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh sẽ thấy được những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

### ***3.2.3. Ý nghĩa của việc hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các đơn vị quản lý chặt chẽ

## **Khoá luận tốt nghiệp**

---

hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa, việc sử dụng các khoản phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, điều tiết chi phí, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

## **KẾT LUẬN**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng trở nên quan trọng đối với công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Xuất phát từ ý nghĩa quan trọng đó và được sự giúp đỡ, hướng dẫn tận tâm, nhiệt tình của PGS. TS. Trương Thị Thủy cùng các cán bộ nhân viên của công ty TNHH Thương mại Tuấn Sơn, em đã hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Mặc dù có nhiều cố gắng nhưng do trình độ còn hạn chế nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự quan tâm, góp ý kiến và chỉ bảo của các thầy cô giáo cùng các cán bộ phòng Kế toán của công ty TNHH Thương mại Tuấn Sơn để bài khóa luận này của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến PGS. TS. Trương Thị Thủy cùng các cán bộ phòng Kế toán công ty TNHH Thương mại Tuấn Sơn đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2011

Sinh viên

Ngô Thị Thanh Phương

**Khoá luận tốt nghiệp**

---

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính\_Nhà xuất bản Thống kê năm 2009
2. Chuẩn mực kế toán số 14
3. Khóa luận các khóa 9, 10 tại thư viện trường
4. Tài liệu ISO và các chứng từ, sổ sách kế toán năm 2010 của công ty TNHH Thương mại Tuấn Sơn
5. Mạng Internet